

Số: /BC-BCA

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách trong dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Công an tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách trong dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi) (sau đây gọi là chính sách). Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

a) Mục đích rà soát

- Rà soát, đánh giá các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan đến các chính sách trong dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi) bảo đảm việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng; tính hợp hiến, hợp pháp, khả thi; tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật; bảo đảm tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; đồng thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp;

- Đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa các quy định trong chính sách với quy định của Hiến pháp, chủ trương, đường lối của Đảng, các bộ luật, luật và điều ước quốc tế có liên quan;

- Hạn chế các sai sót và khắc phục các khó khăn, vướng mắc và bất cập hiện tại trong hệ thống pháp luật có liên quan, góp phần phục vụ công tác bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ quyền bình đẳng, bảo vệ lợi ích của Nhà nước; quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bảo vệ trật tự pháp luật; giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh phòng, chống tội phạm.

b) Yêu cầu rà soát

- Việc rà soát phải được tiến hành kỹ lưỡng, thận trọng, bảo đảm tính toàn diện, đầy đủ, có hệ thống đối với các chủ trương, đường lối của Đảng, không bỏ sót các bộ luật, luật, điều ước quốc tế có liên quan;

- Phạm vi rà soát cần bám sát vào các nhóm vấn đề được quy định tại chính sách;

- Kết quả rà soát phải cụ thể, rõ ràng, tổng hợp đầy đủ, phân tích, đánh giá đối với từng chính sách.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

- Về phạm vi rà soát: Gồm toàn bộ nội dung chính sách và quy định của Hiến pháp, chủ trương, đường lối của Đảng, các bộ luật, luật và điều ước quốc tế có liên quan.

- Về nội dung rà soát: Đối chiếu, đánh giá các quy định tại chính sách với quy định của Hiến pháp, chủ trương, đường lối của Đảng, các bộ luật, luật và điều ước quốc tế hiện hành bảo đảm tính hợp hiến, đồng bộ, thống nhất với các văn bản được rà soát, tránh mâu thuẫn, chồng chéo hoặc khoảng trống pháp lý trong hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế.

- Về đối tượng rà soát: Các chủ trương, đường lối của Đảng (Nghị quyết của Bộ Chính trị, Văn kiện Đại hội Đảng, Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng,...); các văn bản quy phạm pháp luật (Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội,...); các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có liên quan.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến chính sách

Tổng số văn bản của Đảng có chủ trương, đường lối liên quan đến chính sách đã được rà soát: 22 văn bản; trong đó, một số văn bản cụ thể như sau:

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định định hướng phát triển đất nước “Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tội phạm và tệ nạn xã hội”.

- Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, trong đó đưa ra nhiệm vụ “*Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống tội phạm...*”.

- Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, trong đó Đảng đề ra nhiệm vụ “*Hoàn thiện chính sách pháp luật liên quan đến tư pháp, bảo đảm tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân*”.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Trong những các nghị quyết này Đảng ta chỉ rõ *cần tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn nhân lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh*

và bền vững của đất nước, phát huy dân chủ, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý mọi hành vi can thiệp trái pháp luật vào hoạt động tư pháp; đồng thời, khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế, đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, có cách tiếp cận mở, sáng tạo, cho phép thí điểm đối với những vấn đề mới thực tiễn đặt ra, có chính sách miễn trừ trách nhiệm hình sự đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan.

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, trong đó xác định một trong những nhiệm vụ giải pháp trọng tâm đó là “...hội nhập quốc tế về chính trị, quốc phòng, an ninh, sâu rộng, toàn diện và hiệu quả hơn, góp phần giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa nâng cao tiềm lực và vị thế của đất nước...” và “Nâng cao năng lực thực thi các cam kết, thỏa thuận quốc tế gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực thi và đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật trong nước”.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; trong đó chỉ đạo: “...không hình sự hoá các mối quan hệ kinh tế, hành chính, dân sự...”; “Ưu tiên đảm bảo hiệu quả thi hành pháp luật nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và trong các lĩnh vực dân sinh quan trọng khác (an toàn thực phẩm, môi trường, an toàn trên không gian mạng....)”; “Công tác xây dựng pháp luật cần phải thể chế hoá đầy đủ, kịp thời, đúng đắn chủ trương, đường lối của Đảng; xuất phát từ lợi ích toàn cục của đất nước; đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh; rất khoát từ bỏ tư duy không quản được thì cấm; bảo đảm sự cân đối, hợp lý giữa mức độ hạn chế quyền với lợi ích chính đáng đạt được”.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân chỉ đạo: “Sửa đổi các quy định về pháp luật hình sự, dân sự, tố tụng hình sự, tố tụng dân sự để bảo đảm nguyên tắc khi xử lý các sai phạm, vụ việc về dân sự kinh tế, ưu tiên áp dụng các biện pháp về dân sự, kinh tế, hành chính trước, cho phép các doanh nghiệp, doanh nhân được chủ động khắc phục sai phạm, thiệt hại. Trường hợp thực tiễn áp dụng pháp luật có thể dẫn đến xử lý hình sự hoặc không xử lý hình sự thì kiên quyết không áp dụng xử lý hình sự. Trường hợp đến mức xử lý hình sự thì ưu tiên các biện pháp khắc phục hậu quả kinh tế trước và là căn cứ quan trọng để xem xét các biện pháp xử lý tiếp theo. Không hồi tố các quy định pháp luật để xử lý bất lợi cho doanh nghiệp. Đối với các vụ việc thiếu chứng cứ, chứng cứ không rõ ràng phải sớm có kết luận, tránh ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường của doanh nghiệp, doanh

nhân. Bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong quá trình điều tra, xét xử các vụ án.”

- Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của Nhân dân; trong đó, chỉ đạo: *“Triển khai các giải pháp đồng bộ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh lao động, phòng, chống cháy, nổ, tai nạn, thương tích, bạo lực gia đình”*.

- Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước; trong đó, xác định *“Một trong những bất cập trong phát triển kinh tế Nhà nước đó là: Chính sách pháp luật về kinh tế nhà nước còn chậm đổi mới chưa theo kịp thực tiễn phát triển của nền kinh tế dẫn đến việc quản lý, khai thác và sử dụng nguồn lực, tài sản của Nhà nước chưa thật sự hiệu quả, còn lãng phí, thất thoát”* qua đó đưa ra nhiệm vụ, giải pháp: *“Cần phải hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế, thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu lực, hiệu quả; tăng cường kỷ luật – kỷ cương, phù hợp với các cam kết quốc tế”; “Xây dựng cơ chế đủ mạnh để bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trong các trường hợp không có yếu tố tham nhũng, vụ lợi”*.

- Chỉ đạo của Bộ Chính trị về Đề án “Rà soát, đánh giá những bất cập trong Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật Thi hành án hình sự liên quan đến áp dụng hình phạt tử hình và thi hành án tử hình; nghiên cứu giảm bớt tội danh bị áp dụng hình phạt tử hình; tăng cường áp dụng biện pháp chuyển đổi từ hình phạt tử hình sang hình phạt tù” (theo thông báo tại Công văn số 13936-CV/VPTW ngày 25/3/2025 của Văn phòng Ban Chấp hành Trung ương).

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2026-2030 *“Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặt trong tổng thể công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, được thực hiện nghiêm minh; bảo đảm và bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân”*; nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIV *“Tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm sự đồng bộ, hài hoà giữa tăng trưởng và phát triển; giữa kinh tế, xã hội, môi trường với quốc phòng, an ninh, đối ngoại; giữa đổi mới, hoàn thiện thể chế với các chuyển đổi trọng tâm, toàn diện trên mọi lĩnh vực, phù hợp với mô hình chính quyền 3 cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới”*.

- Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định nhiệm vụ *“Kiên quyết đấu*

tranh phòng, chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn giao thông, phòng, chống cháy, nổ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, an toàn xã hội; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh”; “ưu tiên áp dụng các biện pháp dân sự, kinh tế, hành chính, tổ chức, trường hợp đến mức phải xử lý hình sự thì cho phép chủ động khắc phục hậu quả kinh tế trước, nhưng có thời hạn thực hiện cụ thể; bảo vệ người đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung”.

- Đánh giá về sự phù hợp của chính sách:

Các chủ trương, đường lối và định hướng của Đảng nêu trên đặt ra sự cần thiết phải nghiên cứu sửa toàn diện Bộ luật Hình sự nhằm thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng, bảo vệ tổ quốc nói chung và các quan điểm về phòng, chống tội phạm nói riêng vào quy định của Bộ luật Hình sự, tạo hành lang pháp lý cho việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, sửa đổi kịp thời những vướng mắc, khó khăn do quy định pháp luật; cụ thể các chế định, các dấu hiệu định tội, định khung hình phạt để thuận lợi trong áp dụng, bên cạnh đó, những tình tiết định tội, định khung tăng nặng là những quy định ảnh hưởng trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân.

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách

a) Hiến pháp

Chương II Hiến pháp năm 2013 quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; trong đó, Điều 14 quy định: Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng.

Các chính sách trong dự án Bộ luật đảm bảo tính hợp hiến, đảm bảo quyền con người và quyền công dân.

b) Các văn bản quy phạm pháp luật khác

Đã rà soát 57 văn bản quy phạm pháp luật (02 Bộ luật, 53 luật, 02 pháp lệnh) liên quan đến nội dung chính sách của dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi), như: Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Dân sự, Luật Thi hành án hình sự, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự, ...

Qua rà soát, các nội dung chính sách của dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi) được quy phạm hóa thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành, cụ thể như sau:

- Tính đồng bộ, thống nhất: Các nội dung chính sách của dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi) dự kiến sau khi được quy phạm hóa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, hoàn toàn phù hợp với Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành.

- Tính phù hợp, khả thi: Các nội dung chính sách của dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi) dự kiến được quy phạm hóa cơ bản bảo đảm tính khả thi, phù hợp và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn trong giai đoạn hiện nay về phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

- Nội dung chính sách dự kiến sửa đổi các quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành về những nội dung còn chưa thống nhất với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác, cụ thể như:

+ Bộ luật Dân sự: Điều 29 Bộ luật Hình sự quy định về người đại diện hợp pháp của bị hại, tuy nhiên, hiện nay, Bộ luật Dân sự chỉ quy định về người đại diện theo pháp luật của một cá nhân, do đó, chưa có sự thống nhất.

+ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ: Điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự (tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ) quy định “Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định”. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 9 Luật Trật tự, an toàn thông đường bộ thì hành vi bị nghiêm cấm là “điều khiển phương tiện tham gia giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn”. Như vậy, giữa hai Luật chưa có sự thống nhất trong quy định.

+ Luật Nghĩa vụ quân sự: Tại khoản 8 Điều 3 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 quy định một trong những hành vi trốn tránh nghĩa vụ quân sự là không chấp hành lệnh gọi khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự. Tuy nhiên, Điều 332 Bộ luật Hình sự (tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự) lại không quy định đối với hành vi nêu trên, như vậy là chưa thống nhất.

+ Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước:

(1) Mục 1 Chương XXIII. Các tội phạm tham nhũng quy định 07 tội danh về tham nhũng, trong khi đó, Luật Phòng, chống tham nhũng quy định 12 nhóm hành vi tham nhũng trong khu vực Nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện và 03 nhóm hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài Nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện. Như vậy, chưa có sự thống nhất trong quy định về các hành vi tham nhũng giữa hai luật nêu trên.

(2) Quy định về “người có chức vụ” tại Điều 352 Bộ luật Hình sự; về “người có chức vụ, quyền hạn” tại khoản 2 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng; về “người thi hành công vụ” tại khoản 2 Điều 3 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đều quy định về trách nhiệm của người có chức vụ, quyền hạn trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ, tuy nhiên, nội dung các quy định này còn chưa đồng bộ, thống nhất.

+ Luật Đất đai: Điều 229 Bộ luật Hình sự quy định về tội vi phạm quy định của pháp luật về quản lý đất đai, theo đó, người nào lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ, quyền hạn **giao đất, thu hồi, cho thuê, cho phép chuyển quyền sử dụng, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất** trái quy định. Tuy nhiên, tại Điều 20 Luật Đất đai, có đến 18 nội dung quản lý nhà nước về đất đai, bên cạnh các nội dung về giao

đất, cho thuê đất, cho phép chuyển quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất còn có các nội dung khác như giải quyết tranh chấp, khiếu nại; cung cấp dịch vụ công về đất đai; bồi thường, hỗ trợ tái định cư; quản lý tài chính về đất đai; quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất... Như vậy, rõ ràng là Bộ Luật Hình sự chưa điều chỉnh bao quát hết các hành vi nguy hiểm cho xã hội trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, dẫn đến tình trạng có thể bỏ lọt tội phạm.

+ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân: Khoản 1 Điều 8 quy định “Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân thì tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm có thể bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật”. Tuy nhiên, Bộ luật Hình sự chưa có quy định liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân.

+ Luật Trí tuệ nhân tạo quy định “Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan đến trí tuệ nhân tạo, tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm thì bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự”. Tuy nhiên, Bộ luật Hình sự chưa có quy định liên quan đến vi phạm trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo.

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách

- Tổng số điều ước quốc tế liên quan đến chính sách: 14 văn bản, trong đó bao gồm: Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền năm 1948; Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966; Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ năm 1979; Công ước liên hợp quốc về quyền trẻ em; Công ước của liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; Công ước của liên hợp quốc về chống tham nhũng; Công ước quốc tế về trấn áp hành vi tài trợ cho khủng bố năm 1999; Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng năm 1948; Công ước không áp dụng thời hiệu đối với tội phạm chiến tranh và tội phạm chống loài người; Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người; Công ước luật biển năm 1982; Công ước chống bắt cóc con tin; Nghị định thư về việc ngăn ngừa, phòng chống và trừng trị việc buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung cho công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của liên hợp quốc; Công ước về chống tội phạm mạng.

Bên cạnh đó, một số khuyến nghị của các tổ chức quốc tế đã được rà soát, cụ thể như: Các khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền (FATF) và Nhóm châu Á- Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG); Yêu cầu của Ủy ban châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp (IUU); Hiệp định hợp tác khu vực về chống cướp biển và cướp có vũ trang chống lại tàu thuyền tại châu Á; Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Khuyến nghị của Ủy ban Công ước chống tra tấn (UNCAT) và Cơ chế rà soát, kiểm điểm, định kỳ phổ quát của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc (UPR).

- Qua rà soát, các nội dung chính sách của dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi) dự kiến được quy phạm hóa bảo đảm tính tương thích, thống nhất với các điều ước quốc tế, các khuyến nghị của tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

(Nội dung rà soát chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế chi tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo).

Trên đây là Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế liên quan đến nội dung chính sách dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang

Phụ lục 1
CÁC CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG LIÊN QUAN ĐẾN
CHÍNH SÁCH DỰ ÁN BỘ LUẬT HÌNH SỰ (SỬA ĐỔI)

- Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới;

- Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, vì lợi ích chung;

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới;

- Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

- Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của Nhân dân;

- Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

- Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước;

- Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam;

- Công văn số 13936-CV/VPTW ngày 25/3/2025 của Văn phòng Ban Chấp hành Trung ương về thông báo ý kiến của Bộ Chính trị về việc sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự để tiếp tục thu hẹp hình phạt tử hình và rà soát đề đề xuất sửa đổi, bổ sung những bất cập để đáp ứng yêu cầu thực tiễn;

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

- Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công;

- Quy định số 183-QĐ/TW ngày 18/9/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về bảo vệ cơ quan, tổ chức, người thi hành công vụ trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án;

- Kết luận số 218-KL/TW ngày 24/11/2025 của Bộ Chính trị liên quan đến thể chế hóa quan điểm, chủ trương về xử lý vi phạm liên quan đến đất đai;

- Kết luận số 132-KL/TW ngày 18/3/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 36-CT/TW ngày 16/8/2019 về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy;

- Chỉ thị số 54-CT/TW ngày 30/11/2025 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giám định tư pháp và định giá tài sản.

Phụ lục 2
CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN
CHÍNH SÁCH DỰ ÁN BỘ LUẬT HÌNH SỰ (SỬA ĐỔI)

1. Bộ luật Tố tụng hình sự;
2. Bộ luật Dân sự;
3. Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự;
4. Luật Công an nhân dân;
5. Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân;
6. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân;
7. Luật Thi hành án hình sự;
8. Luật Thi hành án dân sự;
9. Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú;
10. Luật Tố cáo;
11. Luật Khiếu nại;
12. Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước;
13. Luật Nghĩa vụ quân sự;
14. Luật Xử lý vi phạm hành chính;
15. Luật Tố tụng hành chính;
16. Luật Luật sư;
17. Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ;
18. Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam;
19. Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;
20. Luật Cảnh sát biển;
21. Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ;
22. Luật Biên phòng Việt Nam;
23. Luật Biển Việt Nam;
24. Luật Hải quan;
25. Luật Bảo vệ môi trường;
26. Luật Lâm nghiệp;
27. Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước;
28. Luật An ninh mạng;

29. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;
30. Luật Tư pháp người chưa thành niên;
31. Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;
32. Luật Phòng, chống mua bán người;
33. Luật Phòng, chống khủng bố;
34. Luật Phòng, chống ma túy;
35. Luật Phòng, chống rửa tiền;
36. Luật Phòng, chống tham nhũng;
37. Luật Đất đai;
38. Luật Đấu thầu;
39. Luật Quản lý thuế;
40. Luật Đầu tư công;
41. Luật Doanh nghiệp;
42. Luật Nhà ở;
43. Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;
44. Luật An toàn thực phẩm;
45. Luật Chứng khoán;
46. Luật Bảo hiểm xã hội;
47. Luật Bảo hiểm y tế;
48. Luật Quản lý tài sản công;
49. Luật Sở hữu trí tuệ;
50. Luật Hôn nhân và gia đình;
51. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;
52. Luật Các tổ chức tín dụng;
53. Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
54. Luật Xuất bản;
55. Luật Trí tuệ nhân tạo;
56. Pháp lệnh Cảnh sát môi trường;
57. Pháp lệnh bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

Phụ lục 3

CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

*** Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966**

Điều 6.

1. Mọi người đều có quyền có hữu là được sống. Quyền này phải được pháp luật bảo vệ. Không ai có thể bị tước mạng sống một cách tùy tiện.

2. Ở những nước mà hình phạt tử hình chưa được xoá bỏ thì chỉ được phép áp dụng án tử hình đối với những tội ác nghiêm trọng nhất, căn cứ vào luật pháp hiện hành tại thời điểm tội phạm được thực hiện và không được trái với những quy định của Công ước này và của Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng. Hình phạt tử hình chỉ được thi hành trên cơ sở bản án đã có hiệu lực pháp luật, do một toà án có thẩm quyền phán quyết.

3. Khi việc tước mạng sống của con người cấu thành tội diệt chủng, cần hiểu rằng không một quy định nào của điều này cho phép bất kỳ quốc gia thành viên nào của Công ước này, bằng bất kỳ cách nào, được giảm nhẹ bất kỳ nghĩa vụ nào mà họ phải thực hiện theo quy định của Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng.

4. Bất kỳ người nào bị kết án tử hình đều có quyền xin ân giảm hoặc xin thay đổi mức hình phạt. Việc ân xá, ân giảm hoặc chuyển đổi hình phạt tử hình có thể được áp dụng đối với mọi trường hợp.

5. Không được phép tuyên án tử hình với người phạm tội dưới 18 tuổi và không được thi hành án tử hình đối với phụ nữ đang mang thai.

6. Không một quy định nào trong điều này có thể được viện dẫn để trì hoãn hoặc ngăn cản việc xoá bỏ hình phạt tử hình tại bất kỳ quốc gia thành viên nào của Công ước.

Điều 7. Không ai có thể bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt một cách tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm. Đặc biệt, không ai có thể bị sử dụng để làm thí nghiệm y học hoặc khoa học mà không có sự đồng ý tự nguyện của người đó.

Điều 8.

3. a) Không ai bị yêu cầu phải lao động bắt buộc hoặc cưỡng bức;

b) Mục a, khoản 3 điều này không cản trở việc thực hiện lao động cưỡng bức theo bản án của một tòa án có thẩm quyền ở những nước còn áp dụng hình phạt tù kèm lao động cưỡng bức như một hình phạt đối với tội phạm.

c) Theo nghĩa của khoản này, thuật ngữ "lao động bắt buộc hoặc cưỡng bức" không bao gồm:

i) Bất kỳ công việc hoặc sự phục vụ nào không được nói tại điểm b, mà thông thường đòi hỏi một người đang bị giam giữ theo quyết định hợp pháp của tòa án hoặc một người khi được trả tự do có điều kiện phải làm;

ii) Bất kỳ sự phục vụ nào mang tính chất quân sự và bất kỳ sự phục vụ quốc gia nào do luật pháp của một nước quy định đối với những người từ chối làm nghĩa vụ quân sự vì lý do lương tâm, trong trường hợp quốc gia đó cho phép từ chối thực hiện nghĩa vụ quân sự vì lý do lương tâm;

iii) Bất kỳ sự phục vụ nào được yêu cầu trong trường hợp khẩn cấp hoặc thiên tai đe dọa đến tính mạng hoặc đời sống của cả cộng đồng;

iv) Bất kỳ công việc hoặc sự phục vụ nào là một phần của các nghĩa vụ dân sự thông thường.

Điều 9.

1. Mọi người đều có quyền hưởng tự do và an toàn cá nhân. Không ai bị bắt hoặc bị giam giữ vô cớ. Không ai bị tước quyền tự do trừ trường hợp việc tước quyền đó là có lý do và theo đúng những thủ tục mà luật pháp đã quy định.

Điều 11. Không ai bị bỏ tù chỉ vì lý do không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

Điều 13. Một người nước ngoài cư trú hợp pháp trên lãnh thổ một quốc gia thành viên Công ước chỉ có thể bị trục xuất khỏi nước đó theo quyết định phù hợp pháp luật, và trừ trường hợp có yêu cầu khác xuất phát từ lý do chính đáng về an ninh quốc gia; người bị trục xuất phải được phép đệ trình những lý lẽ phản đối việc trục xuất, được yêu cầu nhà chức trách có thẩm quyền, hoặc một người hoặc những người mà nhà chức trách có thẩm quyền đặc biệt cử ra, xem xét lại trường hợp của mình, và được có đại diện khi trường hợp của mình được xem xét lại.

Điều 17.

1. Không ai bị can thiệp một cách tùy tiện hoặc bất hợp pháp vào đời sống riêng tư, gia đình, nhà ở, thư tín, hoặc bị xâm phạm bất hợp pháp đến danh dự và uy tín.

2. Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại những can thiệp hoặc xâm phạm như vậy.

Điều 18.

1. Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng và tôn giáo. Quyền này bao gồm tự do có hoặc theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng do mình lựa chọn, và tự do bày tỏ tín ngưỡng hoặc tôn giáo một mình hoặc trong cộng đồng với những người khác, công khai hoặc kín đáo, dưới các hình thức như thờ cúng, cầu nguyện, thực hành và truyền giảng.

2. Không ai bị ép buộc làm những điều tổn hại đến quyền tự do lựa chọn hoặc tin theo tôn giáo hoặc tín ngưỡng của họ.

3. Quyền tự do bày tỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng chỉ có thể bị giới hạn bởi pháp luật và khi sự giới hạn đó là cần thiết để bảo vệ an ninh, trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức xã hội, hoặc để bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của người khác.

Điều 19. 2. Mọi người có quyền tự do ngôn luận. Quyền này bao gồm tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt mọi thông tin, ý kiến, không phân biệt lĩnh vực, hình thức tuyên truyền bằng miệng, bằng bản viết, in, hoặc dưới hình thức nghệ thuật, thông qua bất kỳ phương tiện thông tin đại chúng nào tùy theo sự lựa chọn của họ.

Điều 20.

1. Mọi hình thức tuyên truyền cho chiến tranh đều bị pháp luật nghiêm cấm.
2. Mọi chủ trương gây hấn thù dân tộc, chủng tộc hoặc tôn giáo để kích động sự phân biệt đối xử về chủng tộc, sự thù địch, hoặc bạo lực đều phải bị pháp luật nghiêm cấm.

Điều 22.

1. Mọi người có quyền tự do lập hội với những người khác, kể cả quyền lập và gia nhập các công đoàn để bảo vệ lợi ích của mình.

Điều 23.

3. Không được tổ chức việc kết hôn nếu không có sự đồng ý hoàn toàn và tự nguyện của cặp vợ chồng tương lai.

*** Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ năm 1979**

Điều 2.

Các quốc gia thành viên Công ước cam kết:

- b) Thông qua các biện pháp pháp lý và các biện pháp thích hợp khác, kể cả việc trừng phạt trong những trường hợp cần thiết, nhằm ngăn cấm tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ;

Điều 6.

Các quốc gia thành viên Công ước phải tiến hành tất cả các biện pháp thích hợp, kể cả về lập pháp, để xóa bỏ tất cả các hình thức buôn bán phụ nữ và bóc lột mại dâm phụ nữ.

d) Công ước liên hợp quốc về quyền trẻ em (trích)

Điều 6

1. Các quốc gia thành viên công nhận rằng mọi trẻ em đều có quyền cố hữu được sống.

Điều 14

1. Các quốc gia thành viên phải tôn trọng quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo của trẻ em.

Điều 15

1. Các quốc gia thành viên công nhận các quyền của trẻ em được tự do kết giao và tự do hội họp hoà bình.

Điều 16

1. Không trẻ em nào phải chịu sự can thiệp tùy tiện hay bất hợp pháp vào việc riêng tư, gia đình, nhà cửa hoặc thư tín của các em cũng như những sự công kích bất hợp pháp vào danh dự và thanh danh của các em.

2. Trẻ em có quyền được luật pháp bảo vệ chống lại sự can thiệp hay công kích như vậy.

Điều 19

1. Các quốc gia thành viên phải thực hiện tất cả các biện pháp lập pháp, thích hợp để bảo vệ trẻ em khỏi tất cả các hình thức bạo lực về thể chất hoặc tinh thần, bị thương tổn hay lạm dụng, bị bỏ mặc hoặc sao nhãng việc chăm sóc, bị ngược đãi hoặc bóc lột, gồm cả lạm dụng tình dục trong khi trẻ em vẫn nằm trong vòng chăm sóc của cha mẹ hoặc cả cha lẫn mẹ, một hay nhiều người giám hộ pháp lý, hoặc của bất kỳ người nào khác được giao việc chăm sóc trẻ em.

2. Những biện pháp bảo vệ như vậy, trong chừng mực thích hợp cần bao gồm các thủ tục hữu hiệu để thành lập những chương trình xã hội nhằm dành sự hỗ trợ cần thiết cho trẻ em và cho những người chăm sóc trẻ em, cũng như cho các hình thức phòng ngừa khác và cho việc xác định, báo cáo, chuyển cấp, điều tra xử lý và tiến hành những bước tiếp theo trong các trường hợp ngược đãi trẻ em như đã mô tả trước đây và nếu thích hợp cho việc tham gia của pháp luật.

Điều 32

1. Các quốc gia thành viên công nhận quyền của trẻ em được bảo vệ không bị bóc lột về kinh tế và không phải làm bất kỳ công việc gì nguy hiểm hoặc ảnh hưởng đến việc học hành của trẻ em, hoặc có hại đối với sức khỏe hay sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức, hay xã hội của trẻ em.

2. Các quốc gia thành viên phải thi hành những biện pháp lập pháp, để đảm bảo việc thực hiện điều này. Để đạt mục tiêu này và tính đến những điều khoản thích hợp của những văn kiện quốc tế khác, các quốc gia thành viên đặc biệt phải:

(c) Quy định những hình thức phạt thích hợp hay các hình thức phạt khác để đảm bảo thực hiện điều khoản này.

Điều 33

Các quốc gia thành viên phải thực hiện tất cả những biện pháp thích hợp, bao gồm những biện pháp lập pháp, để bảo vệ trẻ em chống lại việc sử dụng bất hợp pháp các chất ma túy và an thần như đã được xác định trong những điều ước quốc tế liên quan và để ngăn ngừa việc sử dụng trẻ em vào việc sản xuất, buôn bán bất hợp pháp các chất đó.

Điều 34

Các quốc gia thành viên cam kết bảo vệ trẻ em chống tất cả các hình thức bóc lột tình dục và lạm dụng tình dục. Vì mục đích này, các quốc gia thành viên

phải đặc biệt thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp ở cấp quốc gia, song phương và đa phương để ngăn ngừa:

(a) Việc xúi giục hay ép buộc trẻ em tham gia bất kì hoạt động tình dục trái pháp luật nào.

(b) Việc sử dụng có tính chất bóc lột trẻ em trong mại dâm hay các hoạt động tình dục trái pháp luật khác.

(c) Việc sử dụng có tính chất bóc lột trẻ em trong các cuộc biểu diễn hay tài liệu khiêu dâm.

Điều 35

Các quốc gia thành viên phải thực hiện tất cả các biện pháp ở các cấp quốc gia thành viên, song phương và đa phương thích hợp để ngăn ngừa việc bắt cóc, buôn bán trẻ em vì bất kì mục đích gì hay dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 37

Các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng:

(a) Không trẻ em nào bị tra tấn hay bị đối xử hay trừng phạt tàn tệ vô nhân đạo hay làm mất phẩm giá. Không được xử tử hình hay tù chung thân mà không có khả năng phóng thích vì những hành động phạm pháp do những người dưới 18 tuổi gây ra.

(b) Không trẻ em nào bị tước quyền tự do một cách bất hợp pháp hoặc tùy tiện. Việc bắt, giam giữ hay bỏ tù trẻ em phải được tiến hành theo luật pháp và chỉ được dùng đến như một biện pháp cuối cùng và trong thời hạn thích hợp ngắn nhất.

Điều 40

3. Các quốc gia thành viên phải tìm cách thúc đẩy hình thành những đạo luật, thủ tục, qui định, các cơ quan và thể chế áp dụng riêng cho các trẻ em bị coi là, bị tố cáo hay bị thừa nhận là đã vi phạm luật hình sự, đặc biệt phải:

(a) Quy định một hạn tuổi tối thiểu mà những trẻ em ở dưới hạn tuổi đó được coi như là không có khả năng vi phạm luật hình sự.

(b) Bất kì khi nào xem xét thấy thích hợp và nên làm, thì đề ra các biện pháp để xử lý những trẻ em như thế mà không phải đụng đến những quá trình tố tụng tư pháp, miễn là các quyền con người và những điều kiện bảo vệ hợp pháp được tôn trọng đầy đủ.

*** Công ước của liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia**

Điều 2. Các thuật ngữ được sử dụng

Trong Công ước này, các thuật ngữ sau sẽ được hiểu là:

(a) "Nhóm tội phạm có tổ chức" nghĩa là một nhóm có cơ cấu gồm từ ba người trở lên, tồn tại trong một thời gian và hoạt động có phối hợp để thực hiện một hay nhiều tội phạm nghiêm trọng hoặc các hành vi phạm tội được quy định

trong Công ước này, nhằm giành được, trực tiếp hay gián tiếp, lợi ích về tài chính hay vật chất khác;

(b) "Tội phạm nghiêm trọng" nghĩa là một hành vi vi phạm có thể bị trừng phạt theo khung hình phạt tù ít nhất là 4 năm hoặc một hình phạt nặng hơn;

(c) "Nhóm có cơ cấu" nghĩa là một nhóm không phải được hình thành một cách ngẫu nhiên để thực hiện một hành vi phạm tội tức thời và không nhất thiết là vai trò của các thành viên trong nhóm phải được xác định rõ ràng, quan hệ giữa các thành viên phải duy trì hoặc cơ cấu của nhóm phải được phát triển.

(d) "Tài sản" nghĩa là mọi loại của cải, dù là vật chất hay phi vật chất, động sản hay bất động sản, hữu hình hay vô hình và các văn bản hay văn kiện pháp lý là bằng chứng cho quyền sở hữu hoặc lợi ích đối với những của cải đó;

(đ) "Tài sản do phạm tội mà có" nghĩa là bất cứ tài sản nào bắt nguồn hay có được một cách trực tiếp hay gián tiếp từ việc phạm tội ;

(e) "Phong toả" hoặc "tạm giữ" nghĩa là việc tạm thời cấm chuyên giao, chuyển đổi, chuyển nhượng hay chuyển dịch tài sản hoặc việc tạm thời giám sát hay kiểm soát tài sản theo lệnh của toà án hay một cơ quan có thẩm quyền khác;

(g) "Tịch thu", bao gồm cả việc tước đoạt, nghĩa là việc tước bỏ vĩnh viễn quyền sở hữu tài sản theo lệnh của toà án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác;

(h) "Hành vi phạm tội nguồn" nghĩa là bất kỳ một hành vi phạm tội nào dẫn đến việc làm phát sinh những tài sản có thể trở thành đối tượng của hành vi phạm tội được quy định trong Điều 4 của Công ước này.

(i) "Vận chuyển có kiểm soát" nghĩa là việc cho phép những hàng hoá ký gửi bất hợp pháp hoặc bị nghi ngờ được chuyển qua hoặc vào lãnh thổ của một hay nhiều nước nhưng đặt dưới sự theo dõi hoặc giám sát của các cơ quan có thẩm quyền những nước đó, nhằm điều tra một hành vi phạm tội và xác định những người liên quan trong việc thực hiện hành vi phạm tội đó;

(k) "Tổ chức hội nhập kinh tế khu vực" nghĩa là một tổ chức do các quốc gia có chủ quyền trong một khu vực thành lập nên, được các quốc gia đó trao cho thẩm quyền đối với những vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước này, được uỷ quyền hợp lệ, theo đúng những thủ tục nội bộ của tổ chức đó, để ký, phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập Công ước; các "Quốc gia thành viên" được đề cập đến trong Công ước này cũng sẽ được hiểu là bao gồm cả những tổ chức đó trong phạm vi thẩm quyền của họ.

Điều 3. Phạm vi áp dụng

1. Trừ khi có quy định khác, Công ước này sẽ áp dụng đối với việc ngăn ngừa, điều tra và truy tố:

(a) Các hành vi phạm tội được quy định trong các Điều 5, 6, 8 và 23 Công ước này; và

(b) Tội phạm nghiêm trọng được định nghĩa tại Điều 2 Công ước này; khi

các hành vi phạm tội có tính chất xuyên quốc gia và liên quan đến nhóm tội phạm có tổ chức.

2. Vì mục đích của Khoản 1 điều này, một hành vi phạm tội có tính chất xuyên quốc gia nếu:

- (a) Nó được thực hiện ở nhiều quốc gia;
- (b) Nó được thực hiện ở một quốc gia nhưng phần chủ yếu của việc chuẩn bị, lên kế hoạch, chỉ đạo hoặc điều khiển nó lại diễn ra ở một quốc gia khác;
- (c) Nó được thực hiện ở một quốc gia nhưng liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức tham gia các hoạt động tội phạm ở nhiều quốc gia; hoặc
- (d) Nó được thực hiện ở một quốc gia nhưng có ảnh hưởng lớn ở một quốc gia khác.

Điều 5. Hình sự hoá việc tham gia vào một nhóm tội phạm có tổ chức

1. Mỗi quốc gia thành viên sẽ ban hành pháp luật và các biện pháp cần thiết khác để coi các hành vi sau là tội phạm khi những hành vi này được thực hiện một cách cố ý:

(a) Một hoặc cả hai hành vi dưới đây mà không phải là những hành vi thực hiện hoặc hoàn thành hoạt động tội phạm:

(i) Thoả thuận với một hoặc nhiều người khác để thực hiện một tội phạm nghiêm trọng nhằm mục đích liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến việc đạt được lợi ích tài chính hoặc vật chất khác, và liên quan đến một hành vi do một thành viên thực hiện để thực hiện thỏa thuận hoặc liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức, nếu pháp luật trong nước quy định như vậy;

(ii) Hành vi của một người nhận thức được hoặc mục đích và hành vi phạm tội nói chung của một nhóm tội phạm có tổ chức hoặc ý định phạm tội của nhóm đó nhưng vẫn đóng vai trò tích cực trong:

- a. Những hoạt động tội phạm của nhóm tội phạm có tổ chức đó;
- b. Những hoạt động khác của nhóm tội phạm có tổ chức đó với nhận thức rằng việc tham gia của họ sẽ đóng góp vào việc đạt được mục đích phạm tội nói trên;

(b) Việc tổ chức, chỉ đạo, hỗ trợ, khuyến khích, tạo điều kiện hoặc xúi giục việc thực hiện tội phạm nghiêm trọng liên quan đến nhóm tội phạm có tổ chức.

2. Sự nhận thức, ý định, mục đích, mục tiêu hoặc thỏa thuận được đề cập tại khoản 1 của điều này có thể được suy ra từ hoàn cảnh khách quan cụ thể.

3. Các Quốc gia thành viên mà pháp luật trong nước yêu cầu phải có yếu tố liên quan đến nhóm tội phạm có tổ chức khi thực hiện các hành vi phạm tội nêu tại Khoản 1 (a) (i) điều này đảm bảo rằng pháp luật trong nước của họ sẽ điều chỉnh tất cả các tội phạm nghiêm trọng liên quan đến nhóm tội phạm có tổ chức. Những Quốc gia thành viên này, cũng như những Quốc gia mà pháp luật trong nước của họ yêu cầu phải có hành vi để thực hiện thỏa thuận để thực hiện hành vi

phạm tội nêu tại Khoản 1 (a) (i) điều này, sẽ thông báo về vấn đề trên cho Tổng thư ký Liên hợp quốc khi quốc gia đó ký hoặc lưu chiếu văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt hoặc gia nhập Công ước.

Điều 6. Hình sự hóa hành vi hợp pháp hóa tài sản do phạm tội mà có

1. Phù hợp với những nguyên tắc cơ bản trong pháp luật trong nước của mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ ban hành pháp luật hoặc những biện pháp cần thiết khác để coi các hành vi sau là tội phạm khi chúng được thực hiện một cách cố ý:

(a) (i) Chuyển đổi hay chuyển giao tài sản, dù biết rằng những tài sản này do phạm tội mà có, nhằm che đậy hoặc che dấu nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản hoặc nhằm giúp đỡ bất cứ người nào liên quan đến việc thực hiện một hành vi vi phạm nguồn lần tránh những hậu quả pháp lý do hành vi của người đó gây ra;

(ii) Che đậy hoặc che dấu bản chất thực sự, nguồn gốc, địa điểm, việc chuyển nhượng, chuyển dịch hoặc quyền sở hữu hay những quyền đối với tài sản, dù biết rằng tài sản này do phạm tội mà có;

(b) Tuỳ theo những khái niệm cơ bản của hệ thống pháp lý của quốc gia:

(i) Giành được, sở hữu hoặc sử dụng tài sản, dù tại thời điểm nhận được tài sản, biết rằng đó là tài sản do phạm tội mà có;

(ii) Tham gia, liên kết hay thông đồng thực hiện, nỗ lực thực hiện và hỗ trợ, xúi giục, tạo điều kiện và hướng dẫn thực hiện bất kỳ một hành vi phạm tội nào theo quy định của điều này.

2. Để thực hiện hay áp dụng Khoản 1 của điều này:

(a) Mỗi Quốc gia thành viên sẽ tìm cách áp dụng Khoản 1 Điều này ở phạm vi rộng nhất của các hành vi vi phạm nguồn;

(b) Mỗi Quốc gia thành viên sẽ coi cả những tội phạm nghiêm trọng được định nghĩa tại Điều 2 của Công ước này và những hành vi phạm tội quy định tại Điều 5, 8 và 23 là những hành vi phạm tội nguồn. Đối với các Quốc gia thành viên mà luật pháp của họ định rõ một danh sách các hành vi phạm tội nguồn cụ thể, thì ít nhất họ sẽ gộp vào trong danh sách này một phạm vi tổng thể các hành vi phạm tội có liên quan đến những nhóm tội phạm có tổ chức;

(c) Vì mục đích của Mục (b), những hành vi vi phạm nguồn sẽ bao gồm những hành vi phạm tội được thực hiện nằm trong và ngoài phạm vi quyền tài phán của Quốc gia thành viên liên quan. Tuy nhiên, những hành vi phạm tội được thực hiện ngoài phạm vi quyền tài phán của một Quốc gia thành viên sẽ chỉ cấu thành hành vi phạm tội nguồn khi hành vi có liên quan là một hành vi phạm tội theo pháp luật trong nước của Quốc gia nơi hành vi đó được thực hiện và là một hành vi tội phạm theo pháp luật trong nước của Quốc gia thành viên đang thực hiện hay áp dụng điều này nếu như hành vi đó được thực hiện ở Quốc gia này;

(d) Mỗi Quốc gia thành viên sẽ cung cấp cho Tổng thư ký Liên hợp quốc

các bản sao luật của họ quy định việc áp dụng điều này và bản sao của bất cứ sửa đổi nào liên quan đến những luật này hoặc những văn bản hướng dẫn những luật này.

(đ) Nếu những nguyên tắc cơ bản của pháp luật trong nước của một Quốc gia thành viên đòi hỏi thì có thể quy định rằng những hành vi phạm tội nêu tại Khoản 1 Điều này không áp dụng đối với những người đã thực hiện những hành vi phạm tội nguồn;

(e) Sự nhận thức, ý định hay mục đích được coi là yếu tố cấu thành hành vi phạm tội nêu tại Khoản 1 Điều này có thể được suy ra từ những hoàn cảnh thực tế khách quan.

Điều 8. Hình sự hóa hành vi tham nhũng

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ ban hành pháp luật và các biện pháp cần thiết khác để coi các hành vi sau là tội phạm khi chúng được thực hiện một cách cố ý:

(a) Hứa hẹn, đề nghị hay mang đến một cách trực tiếp hay gián tiếp cho viên chức nhà nước một môi lợi không chính đáng dành cho người đó hay người hoặc thực thể khác để viên chức đó hành động hoặc không hành động trong khi thực hiện các phận sự chính thức của mình;

(b) Gợi ý hoặc chấp nhận một cách trực tiếp hay gián tiếp của viên chức nhà nước đối với một môi lợi không chính đáng dành cho người đó hay người hoặc thực thể khác để viên chức đó hành động hoặc không hành động trong khi thực hiện các phận sự chính thức của mình.

2. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ xem xét ban hành pháp luật và các biện pháp cần thiết khác để xác định trách nhiệm hình sự đối với việc thực hiện những hành vi được đề cập đến tại Khoản 1 Điều này có dính líu đến một viên chức nhà nước nước ngoài hoặc một viên chức dân sự quốc tế. Tương tự, mỗi Quốc gia thành viên sẽ xem xét việc quy định trách nhiệm hình sự đối với những hình thức tham nhũng khác.

3. Mỗi Quốc gia thành viên cũng sẽ ban hành những biện pháp cần thiết nói trên để coi sự tham gia với tư cách là đồng phạm trong việc thực hiện một hành vi phạm tội được quy định tại điều này là tội phạm.

4. Vì mục đích của Khoản 1 Điều này và Điều 9, "viên chức nhà nước" nghĩa là một viên chức nhà nước hoặc một người thực hiện công vụ được định nghĩa theo pháp luật trong nước và được áp dụng trong luật hình sự của Quốc gia thành viên mà tại đó người được nói đến thực hiện chức năng này.

Điều 10. Trách nhiệm pháp lý của pháp nhân

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ ban hành những biện pháp cần thiết phù hợp với những nguyên tắc pháp lý của họ, để xác định trách nhiệm pháp lý của pháp nhân trong việc tham gia các tội phạm nghiêm trọng liên quan đến nhóm tội phạm có tổ chức và trong việc thực hiện những hành vi phạm tội được xác định tại điều 5, 6, 8 và 23 của Công ước này.

2. Tùy theo những nguyên tắc pháp lý của Quốc gia thành viên, trách nhiệm pháp lý của pháp nhân có thể là hình sự, dân sự hay hành chính.

3. Trách nhiệm pháp lý này không ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của các cá nhân thực hiện các hành vi phạm tội.

4. Cụ thể, mỗi Quốc gia thành viên sẽ đảm bảo rằng các pháp nhân chịu trách nhiệm pháp lý theo điều này phải chịu các hình phạt hình sự hay phi hình sự có tính hiệu quả, tương xứng và có tác dụng ngăn ngừa, bao gồm cả những hình phạt bằng tiền.

Điều 15. Quyền tài phán

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ thông qua các những biện pháp cần thiết để thiết lập quyền tài phán của mình đối với những hành vi phạm tội quy định theo các Điều 5, 6, 8 và 23 của Công ước này khi:

(a) Hành vi phạm tội được thực hiện trên lãnh thổ của Quốc gia thành viên đó; hoặc

(b) Hành vi phạm tội được thực hiện trên boong tàu mang cờ của Quốc gia thành viên đó hoặc trên máy bay đăng ký theo luật của Quốc gia thành viên đó vào thời điểm xảy ra hành vi phạm tội.

2. Theo quy định tại Điều 4 Công ước này, một Quốc gia thành viên cũng sẽ thiết lập quyền tài phán của mình đối với bất kỳ hành vi phạm tội nào khi:

(a) Hành vi phạm tội được thực hiện nhằm chống lại một công dân của Quốc gia thành viên đó;

(b) Hành vi phạm tội được thực hiện bởi một công dân của Quốc gia thành viên đó hay một người không quốc tịch thường trú trên lãnh thổ của quốc gia đó; hoặc

(c) Hành vi phạm tội là:

(i) Một trong những hành vi được quy định tại Điều 6 Khoản 1 Công ước này và được thực hiện bên ngoài lãnh thổ của quốc gia đó nhằm thực hiện một tội phạm nghiêm trọng trong lãnh thổ của quốc gia đó;

(ii) Một trong những hành vi được quy định tại Điều 6 Khoản 1 (b) (ii) Công ước này và được thực hiện bên ngoài lãnh thổ của quốc gia đó nhằm thực hiện một hành vi phạm tội theo quy định tại Điều 6 Khoản 1 điểm (a) (i) hoặc (ii) hay điểm (b) (i) Công ước này trong lãnh thổ quốc gia đó.

3. Vì mục đích của Điều 16 Khoản 10 Công ước này, mỗi Quốc gia thành viên sẽ thông qua những biện pháp cần thiết để thiết lập quyền tài phán của mình đối với những hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh khi người bị tình nghi là tội phạm xuất hiện trên lãnh thổ của quốc gia đó và quốc gia đó không dẫn độ người này với lý do họ là công dân của quốc gia đó.

4. Mỗi Quốc gia thành viên cũng sẽ thông qua những biện pháp cần thiết để thiết lập quyền tài phán của mình đối với những hành vi phạm tội được Công

ước này điều chỉnh khi người bị tình nghi là tội phạm có mặt trên lãnh thổ của quốc gia đó và quốc gia đó không dẫn độ người này.

5. Nếu một Quốc gia thành viên thực hiện quyền tài phán của mình theo Khoản 1 hoặc 2 của Điều này đã được thông báo hoặc bằng một cách khác biết được rằng một hay nhiều Quốc gia thành viên khác đang tiến hành việc điều tra, truy tố hay xét xử đối với cùng hành vi đó, các cơ quan có thẩm quyền của những Quốc gia thành viên này sẽ, khi thích hợp, tham khảo với nhau để phối hợp hoạt động.

6. Không làm phương hại đến các chuẩn mực của luật pháp quốc tế chung, Công ước này không loại bỏ việc thực hiện quyền tài phán hình sự của một Quốc gia thành viên phù hợp với pháp luật trong nước của quốc gia đó.

Điều 23. Hình sự hóa hành vi cản trở công lý

Mỗi Quốc gia thành viên sẽ ban hành pháp luật hay các biện pháp cần thiết khác để coi là tội phạm đối với các hành vi cố ý thực hiện:

(a) Việc sử dụng vũ lực, đe dọa hoặc hăm dọa hoặc hứa hẹn, đề nghị hoặc cung cấp một mối lợi không chính đáng để người bị thẩm vấn khai sai sự thật hoặc để can thiệp vào việc đưa ra lời khai hay đưa ra chứng cứ trong một vụ kiện liên quan đến các hành vi phạm tội được điều chỉnh bởi Công ước này;

(b) Việc sử dụng vũ lực, đe dọa hoặc hăm dọa nhằm can thiệp vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính thức của một nhân viên tư pháp hoặc hành pháp liên quan đến các hành vi phạm tội được điều chỉnh bởi Công ước này. Không một quy định nào trong Đoạn này làm phương hại tới quyền của các Quốc gia thành viên ban hành các quy định pháp luật để bảo vệ các loại viên chức khác.

*** Nghị định thư về việc ngăn ngừa, phòng chống và trừng trị việc buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung cho công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của liên hợp quốc**

Điều 5. Hình sự hoá

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ áp dụng những biện pháp lập pháp cũng như các biện pháp khác khi cần thiết để quy định những hành vi nêu tại điều 3 Nghị định thư này là những vi phạm hình sự khi những hành vi này được thực hiện có chủ ý.

2. Mỗi Quốc gia thành viên cũng sẽ áp dụng những biện pháp lập pháp và các biện pháp khác khi cần thiết để coi những hành vi sau đây là vi phạm hình sự:

a) việc cố gắng thực hiện một hành vi phạm tội được quy định theo khoản 1 của điều này, tuân theo các khái niệm cơ bản trong hệ thống pháp lý của quốc gia đó;

b) việc tham gia như là một đồng phạm trong một hành vi phạm tội theo quy định tại khoản 1 của điều này; và

c) việc tổ chức hay chỉ đạo những người khác tham gia vào một hành vi

phạm tội được quy định theo khoản 1 của điều này.

*** Công ước của liên hợp quốc về chống tham nhũng**

Điều 15. Hối lộ công chức quốc gia

Mỗi Quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định thành tội phạm các hành vi sau đây, nếu được thực hiện một cách cố ý:

(a) Hứa hẹn, tặng hay cho, trực tiếp hay gián tiếp, công chức bất kỳ một lợi ích bất chính cho chính bản thân công chức ấy hay cho một người hoặc một tổ chức khác, để công chức này làm hoặc không làm một việc trong quá trình thi hành công vụ;

(b) Hành vi của công chức, trực tiếp hay gián tiếp, đòi hoặc nhận một lợi ích bất chính cho chính bản thân công chức hay cho người hoặc tổ chức khác, để công chức làm hoặc không làm một việc trong quá trình thi hành công vụ.

Điều 16. Hối lộ công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công

1. Mỗi Quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định thành tội phạm khi được thực hiện một cách cố ý hành vi hứa hẹn, tặng hay cho, trực tiếp hay gián tiếp, công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công một lợi ích bất chính cho bản thân công chức hoặc người hay tổ chức khác, để công chức đó làm hoặc không làm một việc trong quá trình thi hành công vụ, nhằm có được hoặc duy trì công việc kinh doanh hay lợi thế bất chính khác liên quan đến việc tổ chức hoạt động kinh doanh quốc tế.

2. Mỗi Quốc gia thành viên xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định thành tội phạm khi được thực hiện một cách cố ý hành vi của công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công đòi hoặc chấp nhận một cách trực tiếp hay gián tiếp lợi ích bất chính cho bản thân công chức hoặc người hay tổ chức khác, để công chức đó làm hoặc không làm một việc trong quá trình thi hành công vụ.

Điều 17. Tham ô, biển thủ hoặc các dạng chiếm đoạt tài sản khác bởi công chức

Mỗi Quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp hoặc các biện pháp cần thiết khác để quy định thành tội phạm, khi được thực hiện một cách cố ý, hành vi của công chức tham ô, biển thủ hoặc chiếm đoạt dưới các hình thức khác cho bản thân hoặc cho người hay tổ chức khác công quỹ hoặc tư quỹ hoặc chứng khoán hay bất cứ thứ gì có giá trị mà công chức này được giao quản lý do vị trí của mình.

Điều 18. Lợi dụng ảnh hưởng để trục lợi

Mỗi Quốc gia thành viên của Công ước xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác nhằm quy định các hành vi sau là tội phạm

nếu được cố ý thực hiện:

(a) Hành vi hứa hẹn, tặng hay cho, trực tiếp hay gián tiếp, công chức hoặc người khác một lợi ích bất chính để công chức hay người đó dùng ảnh hưởng thực sự hay giả định của mình nhằm đạt được từ một cơ quan hành chính hay một cơ quan công quyền của Quốc gia thành viên một lợi ích bất chính cho chính bản thân người có hành vi hứa hẹn, tặng hay cho nói trên hoặc cho người khác;

(b) Hành vi của công chức hay người khác, trực tiếp hay gián tiếp đòi hoặc nhận bất kỳ lợi ích bất chính nào cho bản thân mình hoặc cho người khác, để lợi dụng ảnh hưởng thực sự hay giả định của mình nhằm đạt được từ một cơ quan hành chính hay một cơ quan công quyền của Quốc gia thành viên một lợi ích bất chính.

Điều 19. Lạm dụng chức năng

Mỗi Quốc gia thành viên của Công ước xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác nhằm quy định là tội phạm khi được thực hiện một cách cố ý, hành vi vi phạm pháp luật, hành động hoặc không hành động, của một công chức lạm dụng chức năng hay vị trí của mình, khi thi hành công vụ nhằm mục đích đạt được một lợi ích bất chính cho bản thân, cho người hay tổ chức khác.

Điều 20. Làm giàu bất hợp pháp

Trên cơ sở tuân thủ Hiến pháp và các nguyên tắc cơ bản của luật pháp nước mình, mỗi Quốc gia thành viên của Công ước áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác nhằm quy định là tội phạm, nếu được thực hiện một cách cố ý, hành vi làm giàu bất hợp pháp, nghĩa là việc tài sản của một công chức tăng đáng kể so với thu nhập hợp pháp của công chức mà công chức này không giải thích được một cách hợp lý về lý do tăng đáng kể như vậy.

Điều 21. Hối lộ trong khu vực tư

Mỗi Quốc gia thành viên của Công ước xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác nhằm quy định những hành vi sau là tội phạm, nếu được thực hiện một cách cố ý trong hoạt động kinh tế, tài chính hoặc thương mại:

(a) Hành vi hứa hẹn, tặng hay cho một lợi ích bất chính cho người điều hành hay làm việc, ở bất kỳ cương vị nào, cho tổ chức thuộc khu vực tư vì lợi ích của chính người đó hay của người hoặc tổ chức khác, để người đó làm hoặc không làm việc gì vi phạm nhiệm vụ của mình;

(b) Hành vi đòi hoặc nhận trực tiếp hay gián tiếp lợi ích bất chính bởi người điều hành hay làm việc, ở bất kỳ cương vị nào, cho tổ chức thuộc khu vực tư vì lợi ích của bản thân người đó hay của người khác để làm hay không làm việc gì vi phạm nhiệm vụ của mình.

Điều 22. Biếm thủ tài sản trong khu vực tư

Mỗi quốc gia thành viên xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và các

biện pháp cần thiết khác để quy định là tội phạm đối với hành vi người điều hành hay làm việc, ở bất kỳ cương vị nào, cho tổ chức thuộc khu vực tư biển thủ tài sản, quỹ tư hoặc chứng khoán hoặc bất kỳ thứ gì khác có giá trị mà người này được giao quản lý do vị trí của mình, nếu hành vi biển thủ đó được thực hiện một cách cố ý trong quá trình hoạt động kinh tế, tài chính hoặc thương mại.

Điều 23. Rửa tiền, tài sản do phạm tội mà có

1. Mỗi quốc gia thành viên, phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc gia, áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định là tội phạm các hành vi dưới đây, khi được thực hiện một cách cố ý:

(a) (i) Chuyển đổi hay chuyển nhượng tài sản, dù đã biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nhằm che dấu hoặc nguy trang nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản đó hoặc nhằm giúp đỡ bất kỳ ai có liên quan đến việc thực hiện tội phạm gốc để lẩn tránh trách nhiệm pháp lý do hành vi của người này mang lại;

(ii) Che dấu hoặc nguy trang bản chất thực sự, nguồn gốc, địa điểm, sự chuyển nhượng, sự vận chuyển hoặc sở hữu hoặc các quyền liên quan đến tài sản, dù đã biết tài sản đó do phạm tội mà có;

(b) Phụ thuộc vào các khái niệm căn bản của hệ thống pháp luật quốc gia:

(i) Nhận, sở hữu hoặc sử dụng tài sản, mà tại thời điểm nhận đã biết rằng tài sản đó do phạm tội mà có;

(ii) Tham gia, phối hợp với hoặc có âm mưu thực hiện hành vi, cố gắng thực hiện hành vi hay giúp sức, xúi bẩy, tạo điều kiện thuận lợi và bày mưu để thực hiện bất kỳ tội phạm nào tương ứng với quy định tại Điều này.

2. Để thi hành hay áp dụng khoản 1 của Điều này:

a) Mỗi quốc gia thành viên cố gắng áp dụng khoản 1 của Điều này ở phạm vi rộng nhất của các tội phạm gốc;

b) Mỗi quốc gia thành viên của Công ước quy định là tội phạm gốc đối với ít nhất là những tội phạm được quy định theo Công ước này;

c) Để thực hiện điểm (b) trên đây, các tội phạm gốc bao gồm các tội phạm trong và ngoài phạm vi tài phán của quốc gia thành viên có liên quan. Tuy nhiên, các tội phạm ngoài phạm vi tài phán của một quốc gia thành viên cấu thành các tội phạm gốc chỉ khi hành vi tương ứng là hành vi phạm tội chiếu theo pháp luật quốc gia của nhà nước nơi hành vi đó được thực hiện và có thể là hành vi phạm tội chiếu theo pháp luật của quốc gia thành viên đang thực hiện hoặc áp dụng Điều này nếu nó được thực hiện ở đó;

d) Mỗi quốc gia thành viên cung cấp bản sao các văn bản pháp luật cho phép thực hiện Điều này cùng các thay đổi sau đó của các văn bản pháp luật này hoặc một bản mô tả về việc đó cho Tổng thư ký Liên hiệp quốc;

e) Nếu các nguyên tắc căn bản của pháp luật quốc gia của quốc gia thành viên đòi hỏi, các tội phạm nói tại khoản 1 Điều này không áp dụng cho những

người thực hiện tội phạm gốc.

Điều 24. Che dấu tài sản

Trên cơ sở không trái với quy định tại Điều 23 của Công ước này, mỗi Quốc gia thành viên của Công ước xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác nhằm quy định là tội phạm hành vi che dấu, tiếp tục chiếm giữ tài sản dù biết rằng tài sản đó có được là từ thực hiện bất kỳ tội phạm nào được quy định theo Công ước này, nếu hành vi đó được thực hiện một cách cố ý sau khi tội phạm nói trên được thực hiện và người thực hiện hành vi không tham gia vào tội phạm đó.

Điều 25. Cản trở hoạt động tư pháp

Mỗi quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định thành tội phạm các hành vi dưới đây, khi được thực hiện một cách cố ý:

a) Dùng vũ lực, đe dọa hoặc hăm dọa hay hứa hẹn, tặng hay cho một lợi ích bất chính để có lời khai gian dối hoặc để can thiệp vào việc khai báo hay việc đưa ra chứng cứ trong thủ tục tố tụng liên quan đến việc phạm các tội được quy định theo Công ước này;

b) Dùng vũ lực, đe dọa hoặc hăm dọa cản trở việc thi hành công vụ của viên chức tư pháp hay viên chức thực thi pháp luật liên quan đến việc thực hiện tội phạm được quy định theo Công ước này. Không quy định nào trong điểm này phương hại đến quyền của các quốc gia thành viên xây dựng các quy định bảo vệ công chức thuộc lĩnh vực khác.

Điều 26. Trách nhiệm của pháp nhân

1. Mỗi quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp cần thiết, phù hợp với các nguyên tắc pháp luật của mình, để quy định trách nhiệm của pháp nhân về việc tham gia vào các tội phạm được quy định theo Công ước này.

2. Phụ thuộc vào các nguyên tắc pháp luật của quốc gia thành viên, trách nhiệm của pháp nhân có thể là trách nhiệm hình sự, dân sự hoặc hành chính.

3. Trách nhiệm này không ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của thể nhân đã thực hiện tội phạm.

4. Đặc biệt, mỗi quốc gia thành viên phải đảm bảo các pháp nhân chịu trách nhiệm theo quy định của Điều này phải chịu chế tài hình sự hoặc phi hình sự thích đáng, tương xứng và có tác dụng ngăn ngừa, kể cả phạt tiền.

Điều 27. Đồng phạm, phạm tội chưa đạt

1. Mỗi quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định thành tội phạm, căn cứ vào pháp luật quốc gia, hành vi tham gia với bất kỳ tư cách nào vào việc phạm những tội được quy định theo Công ước này, như người tòng phạm, người giúp sức hay người xúi giục.

2. Mỗi quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp

cần thiết khác để quy định thành tội phạm, căn cứ vào pháp luật quốc gia, hành vi phạm chưa đạt các tội được quy định theo Công ước này.

3. Mỗi quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định thành tội phạm, căn cứ vào pháp luật quốc gia, hành vi chuẩn bị phạm một tội được quy định theo Công ước này.

Điều 28. Ý thức, ý định hoặc mục đích là các yếu tố cấu thành tội phạm

Ý thức, ý định hoặc mục đích là các yếu tố cấu thành của một tội phạm được quy định theo Công ước này có thể được suy đoán từ hoàn cảnh thực tế khách quan.

Điều 29. Thời hiệu

Mỗi quốc gia thành viên, khi thích hợp, căn cứ vào pháp luật quốc gia, xây dựng quy định về thời hiệu đủ dài để bắt đầu quá trình tố tụng đối với bất kỳ tội phạm nào được quy định theo Công ước này và xây dựng quy định về thời hiệu dài hơn hoặc quy định không áp dụng thời hiệu khi người bị coi là phạm tội lần tránh quá trình tố tụng.

Điều 30. Truy tố, xét xử và chế tài

1. Mỗi quốc gia thành viên đảm bảo các tội phạm được quy định theo Công ước này phải chịu những hình phạt có tính đến mức độ nghiêm trọng của tội phạm đó.

2. Mỗi quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp cần thiết để thiết lập hoặc duy trì, căn cứ vào hệ thống pháp luật và các nguyên tắc pháp chế của pháp luật quốc gia, sự cân bằng hợp lý giữa quyền miễn trừ hoặc đặc quyền tư pháp dành cho đội ngũ công chức để thực hiện nhiệm vụ và khả năng, khi cần thiết, điều tra, truy tố, xét xử một cách có hiệu quả các tội phạm được quy định theo Công ước này.

5. Mỗi quốc gia thành viên phải tính đến mức độ nghiêm trọng của tội phạm có liên quan khi cân nhắc hậu quả của việc tha trước thời hạn hay ân xá người bị kết án về tội phạm này.

7. Trường hợp được phép, căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của tội phạm, mỗi quốc gia thành viên, trong phạm vi cho phép bởi các nguyên tắc căn bản của pháp luật quốc gia, xem xét thiết lập các quy trình để tước bỏ, theo lệnh của tòa án hoặc theo bất kỳ cách thức thích hợp nào khác, trong thời hạn do pháp luật quốc gia quy định, quyền của người bị kết án về các tội phạm do Công ước này quy định được:

- a) Giữ một chức vụ công; và
- b) Giữ một chức vụ trong một doanh nghiệp Nhà nước sở hữu toàn bộ hay một phần.

Điều 31. Phong tỏa, tạm giữ và tịch thu

1. Mỗi quốc gia thành viên, trong phạm vi rộng nhất được pháp luật quốc

gia cho phép, ban hành các quy định cần thiết cho phép tịch thu:

(a) Tài sản do phạm tội mà có có nguồn gốc từ tội phạm được quy định theo Công ước này hoặc tài sản có giá trị tương đương với giá trị của tài sản do phạm tội mà có nói trên;

(b) Tài sản, trang thiết bị hay công cụ khác được sử dụng hoặc sẽ được sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội quy định theo Công ước này.

4. Nếu tài sản do phạm tội mà có đã bị biến đổi hoặc chuyển đổi, một phần hoặc toàn bộ, thành tài sản khác, tài sản này phải là đối tượng áp dụng các biện pháp nói tại Điều này thay cho tài sản do phạm tội mà có ban đầu.

5. Nếu tài sản do phạm tội mà có lẫn lộn với tài sản có nguồn gốc hợp pháp, tài sản này, trên cơ sở không phương hại đến các quyền liên quan đến việc phong tỏa hoặc tạm giữ, phải bị tịch thu phần giá trị do phạm tội mà có đã được định giá.

6. Thu nhập hoặc các lợi ích khác có được từ tài sản do phạm tội mà có, từ tài sản được biến đổi hoặc chuyển đổi từ tài sản do phạm tội mà có hoặc từ tài sản mà trong đó lẫn lộn một phần là tài sản do phạm tội mà có phải là đối tượng của các biện pháp quy định tại Điều này, chịu xử lý theo cách thức và mức độ như đối với tài sản do phạm tội mà có.

9. Các quy định tại Điều này không được hiểu theo cách làm phương hại đến quyền của bên thứ ba ngay tình.

Điều 42. Quyền tài phán

1. Mỗi Quốc gia thành viên của Công ước tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm quy định quyền tài phán của mình đối với những tội phạm được quy định trên cơ sở phù hợp với Công ước khi:

(a) Tội phạm đó được thực hiện trên lãnh thổ của nước mình;

(b) Tội phạm đó được thực hiện trên tàu thuyền đang treo cờ của nước mình hay một máy bay được đăng ký theo luật của nước mình tại thời điểm tội phạm đó được thực hiện.

2. Tuân thủ Điều 4 của Công ước này, một Quốc gia thành viên của Công ước cũng có thể quy định quyền tài phán của mình đối với bất kỳ tội phạm nào như vậy khi:

(a) Tội phạm đó được thực hiện đối với một công dân của nước mình;

(b) Tội phạm đó được thực hiện bởi một công dân của nước mình hay bởi một người không có quốc tịch nhưng thường trú trên lãnh thổ nước mình;

(c) Tội phạm đó là một trong những tội phạm được quy định theo khoản 1 (b) (ii) Điều 23 của Công ước này và được thực hiện bên ngoài lãnh thổ nước mình nhằm mục đích thực hiện một tội phạm được quy định theo khoản 1 (a) (i)/(ii) hoặc (b) (i) Điều 23 của Công ước này trong phạm vi lãnh thổ nước mình;

(d) Tội phạm đó được thực hiện chống lại Quốc gia mình.

*** Công ước quốc tế về trấn áp hành vi tài trợ cho khủng bố năm 1999**

Điều 2

1. Người bị coi là phạm tội theo Công ước này nếu cung cấp hoặc huy động tiền bạc dưới bất kỳ hình thức nào, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất hợp pháp và cố ý với mục đích hoặc biết là một phần hoặc toàn bộ tiền bạc đó sẽ được sử dụng nhằm thực hiện:

a) Hành vi cấu thành một tội trong phạm vi và được định nghĩa trong một trong các điều ước liệt kê trong Phụ lục; hoặc

b) Hành vi khác với ý định giết hại hoặc làm bị thương nặng thường dân, hoặc người khác không tham gia tích cực vào hoạt động thù địch trong hoàn cảnh có xung đột vũ trang khi xét về bản chất hoặc hoàn cảnh xảy ra thì hành vi đó có mục đích khủng bố dân cư hoặc ép buộc một Chính phủ hoặc một tổ chức quốc tế làm hoặc không làm một việc gì.

3. Một hành vi được coi là đã cấu thành một tội nói tại khoản 1 kể cả trong trường hợp số tiền bạc liên quan thực tế chưa được sử dụng để thực hiện một tội nói tại điểm a hoặc điểm b khoản 1.

4. Một người cũng bị coi là phạm tội nếu người đó thực hiện chưa đạt một tội phạm nói tại khoản 1 Điều này.

5. Một người cũng bị coi là phạm tội nếu:

a) Tham gia với tư cách là người đồng phạm vào việc thực hiện một tội phạm nói tại khoản 1 hoặc khoản 4 Điều này;

b) Tổ chức hoặc chỉ đạo người khác thực hiện một tội phạm nói tại khoản 1 hoặc khoản 4 Điều này;

c) Góp phần vào việc thực hiện một hoặc nhiều tội phạm nói tại khoản 1 hoặc khoản 4 Điều này bởi một nhóm người hoặc những người hoạt động nhằm mục đích chung. Sự đóng góp này được coi là cố ý và được:

c1. Thực hiện nhằm thúc đẩy hoạt động phạm tội hoặc mục đích phạm tội của nhóm khi hành động hoặc mục đích đó liên quan đến việc thực hiện một tội phạm nói tại khoản 1 Điều này; hoặc

c2. Thực hiện mà biết mục đích của nhóm là thực hiện một tội phạm nói tại khoản 1 Điều này.

Điều 3

Công ước này không áp dụng khi tội phạm chỉ được thực hiện trong phạm vi một quốc gia, người bị coi là phạm tội là công dân của quốc gia đó và hiện đang có mặt trên lãnh thổ của quốc gia đó và không quốc gia nào khác có cơ sở để thực hiện quyền tài phán theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 7, trừ khi các quy định của các điều từ Điều 12 đến Điều 16 được áp dụng đối với những trường hợp đó, khi thích hợp.

Điều 4

Mỗi quốc gia thành viên phải thực hiện các biện pháp cần thiết để:

- a) Quy định các tội phạm nói tại Điều 2 là các tội phạm hình sự trong pháp luật trong nước của mình;
- b) Quy định các hình phạt thích đáng đối với các tội phạm đó có tính đến tính chất nghiêm trọng của tội phạm.

Điều 5

1. Mỗi quốc gia thành viên phải thực hiện các biện pháp cần thiết phù hợp với các nguyên tắc pháp luật trong nước của mình để bảo đảm một pháp nhân có trụ sở đặt trong lãnh thổ của mình, hoặc được thành lập theo pháp luật trong nước của mình phải chịu trách nhiệm khi người có trách nhiệm quản lý hoặc kiểm soát pháp nhân đó thực hiện với tư cách đó một tội phạm nói tại Điều 2. Trách nhiệm này có thể là trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự hoặc trách nhiệm hành chính.

2. Trách nhiệm này không loại trừ trách nhiệm hình sự của những cá nhân đã thực hiện tội phạm.

3. Cụ thể là mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng các pháp nhân chịu trách nhiệm theo khoản 1 nói trên phải chịu các chế tài hình sự, dân sự hoặc hành chính nghiêm khắc, thích đáng và có tính răn đe. Các chế tài này có thể bao gồm cả hình phạt tiền.

Điều 7

1. Mỗi quốc gia thành viên phải áp dụng các biện pháp cần thiết để xác lập quyền tài phán của mình đối với các tội phạm nói tại Điều 2 nếu:

- a) Tội phạm được thực hiện trên lãnh thổ của quốc gia đó;
- b) Tội phạm được thực hiện trên tàu thủy treo cờ của quốc gia đó hoặc trên tàu bay được đăng ký theo pháp luật của quốc gia đó vào thời điểm phạm tội;
- c) Tội phạm do công dân của quốc gia đó thực hiện.

2. Mỗi quốc gia thành viên cũng có thể xác lập quyền tài phán của mình đối với bất kỳ tội phạm nào nói trên nếu:

a) Tội phạm đó được thực hiện nhằm hoặc dẫn đến việc thực hiện một tội nói tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều 2 trong lãnh thổ của quốc gia đó hoặc để chống lại công dân của quốc gia đó;

b) Tội phạm đó được thực hiện nhằm hoặc dẫn đến việc thực hiện một tội phạm nói tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều 2, để phá hoại trang thiết bị nhà nước hoặc Chính phủ của quốc gia đó ở nước ngoài, bao gồm cả trụ sở ngoại giao hoặc lãnh sự của quốc gia đó;

c) Tội phạm đó được thực hiện nhằm hoặc dẫn đến việc thực hiện một tội nói tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều 2 nhằm mục đích ép buộc quốc gia đó phải làm hoặc không làm một việc gì;

d) Tội phạm do người không có quốc tịch thường trú trên lãnh thổ của quốc gia đó thực hiện;

e) Tội phạm được thực hiện trên tàu bay do Chính phủ của quốc gia đó vận hành.

4. Mỗi quốc gia thành viên cũng phải áp dụng các biện pháp cần thiết để xác lập quyền tài phán của mình đối với các tội phạm nói tại Điều 2 trong trường hợp người bị coi là phạm tội có mặt trong lãnh thổ của mình và quốc gia đó không dẫn độ người này cho các quốc gia thành viên khác đã xác lập quyền tài phán theo khoản 1 và khoản 2 Điều này.

6. Trên tinh thần tuân thủ các quy phạm chung của pháp luật quốc tế, Công ước này không loại trừ việc thực hiện quyền tài phán về hình sự do quốc gia thành viên xác lập theo pháp luật trong nước của mình.

*** Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng năm 1948**

Điều 1.

Các thành viên Công ước này thừa nhận rằng, tội diệt chủng dù được thực hiện trong thời bình hay trong thời chiến đều là một tội phạm mà theo luật pháp quốc tế phải bị ngăn ngừa và trừng trị.

Điều 2.

Trong Công ước này, tội diệt chủng là bất kỳ hành vi nào sau đây được thực hiện với ý định tiêu diệt toàn bộ hoặc một phần một quốc gia, dân tộc, chủng tộc hoặc tôn giáo:

- a) Giết các thành viên của một quốc gia, dân tộc, chủng tộc hoặc tôn giáo;
- b) Gây thiệt hại nghiêm trọng về thể chất hoặc tinh thần cho các thành viên của một quốc gia, dân tộc, chủng tộc hoặc tôn giáo;
- c) Cố ý tạo ra các điều kiện sống nhằm tiêu diệt toàn bộ hoặc một phần quốc gia, dân tộc, chủng tộc hoặc tôn giáo;
- d) Áp dụng các biện pháp nhằm ngăn ngừa việc sinh con ở quốc gia, dân tộc, chủng tộc hoặc tôn giáo;
- đ) Cưỡng ép chuyển giao trẻ em từ quốc gia này sang quốc gia khác, dân tộc, chủng tộc này sang dân tộc, chủng tộc khác hoặc từ tôn giáo này sang tôn giáo khác;

Điều 3.

Những hành vi sau đây có thể bị trừng phạt:

- a) Tội diệt chủng;
- b) Tòng phạm tội diệt chủng;
- c) Trực tiếp hoặc công khai xúi giục phạm tội diệt chủng ;
- d) Phạm tội diệt chủng chưa đạt;

đ) Đồng phạm tội diệt chủng.

Điều 4.

Người thực hiện tội diệt chủng hoặc bất kỳ hành vi nào quy định tại Điều 3 sẽ bị trừng phạt không kể đó là công chức hoặc tư nhân.

Điều 5.

Các quốc gia thành viên Công ước căn cứ vào Hiến pháp của mình phải ban hành các luật cần thiết để làm cho các điều khoản của Công ước này có hiệu lực thực tế, đặc biệt là quy định các chế tài có hiệu quả đối với người phạm tội diệt chủng hoặc bất kỳ hành vi nào quy định tại Điều 3.

*** Công ước không áp dụng thời hiệu đối với tội phạm chiến tranh và tội phạm chống loài người**

Điều 1

Không áp dụng thời hiệu đối với các tội phạm sau đây bất kể chúng được thực hiện khi nào:

a) Các tội phạm chiến tranh được quy định tại Hiến chương về Tòa án quân sự quốc tế Nürnberg ngày 08/08/1945 và được phê chuẩn bởi Nghị quyết số 3 (I) ngày 13/02/1946 và Nghị quyết số 95 (I) ngày 11/12/1946 của Đại hội đồng Liên hợp quốc, đặc biệt là “những vi phạm nghiêm trọng” được liệt kê trong Công ước Viên ngày 12/08/1949 về bảo vệ các nạn nhân chiến tranh;

b) Các tội chống loài người dù được thực hiện trong thời chiến hay thời bình được quy định tại Hiến chương về Tòa án quân sự quốc tế Nürnberg ngày 08/08/1945 và được phê chuẩn bởi Nghị quyết số 3 (I) ngày 13/02/1946 và Nghị quyết số 95 (I) ngày 11/12/1946 của Đại hội đồng Liên hợp quốc, đuổi dân ra khỏi nhà bằng việc tấn công vũ trang hoặc chiếm đóng và các hành động vô nhân đạo phát sinh từ chính sách phân biệt chủng tộc và tội diệt chủng quy định tại Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng năm 1948, thậm chí nếu các hành vi đó không cấu thành tội phạm theo luật quốc gia, nơi chúng được thực hiện.

Điều 2

Nếu bất kỳ tội phạm nào nêu tại Điều 1 được thực hiện thì các điều khoản của Công ước này sẽ được áp dụng đối với người đại diện của cơ quan Nhà nước và cá nhân là chính phạm hoặc đồng phạm, tham gia thực hiện hoặc trực tiếp xúi giục người khác thực hiện bất kỳ tội phạm nào trong số các tội phạm này hoặc cùng âm mưu thực hiện, bất kể hành vi đã hoàn thành ở mức độ nào và người đại diện của cơ quan Nhà nước đã dung thứ cho việc thực hiện tội phạm đó.

Điều 4

Các quốc gia thành viên Công ước cam kết phù hợp với quy trình lập pháp tương ứng thực hiện các biện pháp lập pháp hoặc biện pháp cần thiết khác để bảo đảm rằng, thời hiệu do luật định hoặc thời hiệu khác không áp dụng đối với việc truy tố và trừng phạt các tội quy định tại các Điều I và II của Công ước này và

rằng, ở đâu các tội phạm này tồn tại thì ở đó các thời hiệu này sẽ bị bãi bỏ.

*** Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người**

Điều 1.

1. Theo mục đích của Công ước này, thuật ngữ “tra tấn” có nghĩa là bất kỳ hành vi nào cố ý gây đau đớn hoặc khổ đau nghiêm trọng về thể xác hay tinh thần cho một người, vì những mục đích như lấy thông tin hoặc lời thú tội từ người đó hay một người thứ ba, hoặc để trừng phạt người đó vì một hành vi mà người đó hay người thứ ba thực hiện hay bị nghi ngờ đã thực hiện, hoặc để đe dọa hay ép buộc người đó hay người thứ ba, hoặc vì bất kỳ một lý do nào khác dựa trên sự phân biệt đối xử dưới mọi hình thức, khi nỗi đau đớn và khổ đau đó do một công chức hay người nào khác hành động với tư cách chính thức gây ra, hay với sự xúi giục, đồng tình hay ưng thuận của một công chức. Khái niệm tra tấn không bao gồm những đau đớn hoặc đau khổ xuất phát từ, gắn liền với, hoặc có liên quan đến, các biện pháp trừng phạt hợp pháp.

2. Quy định trong điều này không làm phương hại tới bất kỳ văn kiện quốc tế hay pháp luật quốc gia nào có hay có thể có các điều khoản có mức độ áp dụng rộng rãi hơn.

Điều 3.

1. Không một Quốc gia thành viên nào được trục xuất, hay trả về hoặc dẫn độ một người cho một quốc gia khác, nơi có nhiều lý do thực tế để tin rằng người đó có nguy cơ bị tra tấn.

Điều 4.

1. Mỗi Quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng mọi hành vi tra tấn đều cấu thành tội phạm theo luật hình sự của nước mình. Điều này cũng áp dụng với những hành vi cố gắng thực hiện việc tra tấn hoặc hành vi của bất kỳ người nào đồng lõa hoặc tham gia việc tra tấn.

2. Mỗi Quốc gia thành viên phải trừng trị những tội phạm này bằng những hình phạt thích đáng tương ứng với tính chất nghiêm trọng của chúng.

Điều 5.

1. Mỗi Quốc gia thành viên phải tiến hành những biện pháp cần thiết để xác lập quyền tài phán đối với những hành vi phạm tội nêu ở Điều 4, trong các trường hợp sau:

a. Khi hành vi phạm tội được thực hiện trên bất kỳ vùng lãnh thổ nào thuộc quyền tài phán của quốc gia hay trên tàu thủy hoặc máy bay đăng ký ở quốc gia đó.

b. Khi người bị tình nghi phạm tội là công dân của quốc gia đó.

c. Khi nạn nhân là công dân của quốc gia đó nếu quốc gia đó thấy thích đáng.

2. Mỗi Quốc gia thành viên cũng phải tiến hành những biện pháp cần thiết để xác lập quyền tài phán của mình đối với những hành vi phạm tội này trong trường hợp người bị tình nghi phạm tội đang có mặt ở bất kỳ vùng lãnh thổ nào thuộc quyền tài phán của mình và quốc gia đó không dẫn độ người bị tình nghi theo Điều 8 đến bất kỳ quốc gia nào nói ở khoản 1 điều này.

3. Công ước này không loại trừ bất kỳ quyền tài phán hình sự nào được thực thi theo pháp luật quốc gia.

*** Công ước luật biển năm 1982**

Điều 27. Quyền tài phán hình sự ở trên một tàu nước ngoài

1. Quốc gia ven biển không được thực hiện quyền tài phán hình sự của mình ở trên một tàu nước ngoài đi qua lãnh hải để tiến hành việc bắt giữ hay tiến hành việc dự thẩm sau một vụ vi phạm hình sự xảy ra trên con tàu trong khi nó đi qua lãnh hải, trừ các trường hợp sau đây:

- a) Nếu hậu quả của vụ vi phạm đó mở rộng đến quốc gia ven biển;
- b) Nếu vi phạm có tính chất phá hoại hòa bình của đất nước hay trật tự trong lãnh hải;
- c) Nếu thuyền trưởng hay một viên chức ngoại giao hoặc một viên chức lãnh sự của quốc gia mà tàu mang cờ yêu cầu sự giúp đỡ của các nhà đương cục địa phương hoặc
- d) Nếu các biện pháp này là cần thiết để trấn áp việc buôn lậu chất ma túy hay các chất kích thích.

2. Khoản 1 không đụng chạm gì đến quyền của quốc gia ven biển áp dụng mọi luật pháp mà luật trong nước mình quy định nhằm tiến hành các việc bắt giữ hay tiến hành việc dự thẩm ở trên con tàu nước ngoài đi qua lãnh hải, sau khi rời khỏi nội thủy.

Điều 95. Quyền miễn trừ của các tàu chiến trên biển cả

Các tàu chiến trên biển cả được hưởng quyền miễn trừ hoàn toàn về tài phán của bất kỳ quốc gia nào khác ngoài quốc gia mà tàu mang cờ.

Điều 96. Quyền miễn trừ của các tàu thuyền chỉ dùng cho một cơ quan Nhà nước không có tính chất thương mại

Các tàu thuyền của Nhà nước hay do Nhà nước khai thác và chỉ dùng cho một cơ quan Nhà nước không có tính chất thương mại trên biển cả được hưởng quyền miễn trừ hoàn toàn về tài phán của bất kỳ quốc gia nào khác ngoài quốc gia mà tàu mang cờ.

Điều 101. Định nghĩa cướp biển

Một trong những hành động sau đây là hành động cướp biển:

- a) Mọi hành động trái phép dùng hành động hay bắt giữ hoặc bất kỳ sự cướp phá nào do thủy thủ hoặc hành khách trên một chiếc tàu hay một phương tiện bay

tư nhân gây nên, vì những mục đích riêng tư, và nhằm:

i. Chống lại một chiếc tàu hay một phương tiện bay khác, hay chống lại những người hay của cải ở trên con tàu hoặc phương tiện bay đó ở biển cả;

ii. Chống lại một chiếc tàu hay một phương tiện bay, người hay của cải, ở một nơi không thuộc quyền tài phán của một quốc gia nào;

b) Mọi hành động tham gia có tính chất tự nguyện vào việc sử dụng một chiếc tàu hay một phương tiện bay, khi người tham gia biết từ những sự việc rằng chiếc tàu hay phương tiện bay đó là một tàu hay phương tiện bay cướp biển;

c) Mọi hành động nhằm xúi giục người khác phạm những hành động được xác định ở điểm a hoặc b hay phạm phải với chủ định làm dễ dàng cho các hành động đó.

Điều 102. Hành động cướp biển của một tàu chiến, một tàu Nhà nước hay một phương tiện bay của Nhà nước mà đoàn thủy thủ hay đội bay đã nổi loạn gây ra

Những hành động cướp biển, như đã được xác định ở Điều 101, của một tàu chiến hay một tàu Nhà nước hay một phương tiện bay của Nhà nước bị đoàn thủy thủ hay đội bay nổi loạn làm chủ, được coi là hành động của các tàu hay phương tiện bay tư nhân.

Điều 103. Định nghĩa một tàu hay một phương tiện bay cướp biển

Những tàu hay phương tiện bay mà kẻ kiểm soát nó thực sự, chủ trương sử dụng để phạm một trong những hành động được nêu ở Điều 101, được coi là những tàu hay phương tiện bay cướp biển. Những chiếc tàu hay phương tiện bay đã được dùng để phạm những hành động nói trên cũng được coi là tàu hay phương tiện bay cướp biển chừng nào nó còn ở dưới quyền kiểm soát của những người gây ra những hành động đó.

*** Công ước chống bắt cóc con tin**

Điều 1

1. Trong Công ước này, người nào bắt giữ hoặc giam cầm và đe dọa giết, làm bị thương hoặc tiếp tục giam cầm người khác (sau đây gọi là “con tin”) nhằm mục đích cưỡng ép bên thứ ba, cụ thể là một quốc gia, một tổ chức quốc tế liên chính phủ, một pháp nhân hoặc một thể nhân hoặc một nhóm người phải làm hoặc không làm một việc nào đó như một điều kiện rõ ràng hoặc ngầm hiểu để phóng thích con tin, thì bị coi là phạm tội bắt con tin.

2. Người nào:

a) Thực hiện chưa đạt hành vi bắt con tin, hoặc

b) Tham gia với tư cách là người đồng phạm trong việc thực hiện hoặc thực hiện chưa đạt hành vi bắt con tin cũng sẽ bị coi là phạm tội theo Công ước này.

Điều 2

Quốc gia thành viên phải trừng trị bằng các hình phạt thích đáng các tội nêu tại Điều 1, có tính đến tính chất nghiêm trọng của tội đó.

Điều 5

1. Quốc gia thành viên phải áp dụng biện pháp cần thiết để xác lập quyền tài phán của mình đối với các tội nêu tại Điều 1 nếu:

a) Tội phạm được thực hiện trên lãnh thổ của quốc gia đó hoặc trên tàu thủy hoặc tàu bay được đăng ký tại quốc gia đó;

b) Tội phạm do bất kỳ công dân nào của quốc gia đó thực hiện, hoặc, nếu quốc gia thấy phù hợp, do người không có quốc tịch thường trú trong lãnh thổ của quốc gia đó thực hiện;

c) Tội phạm được thực hiện nhằm mục đích buộc quốc gia đó phải làm hoặc không làm bất kỳ việc gì; hoặc

d) Tội phạm được thực hiện đối với con tin là công dân của quốc gia đó, nếu quốc gia đó thấy phù hợp.

2. Quốc gia thành viên cũng phải áp dụng biện pháp cần thiết để xác lập quyền tài phán của mình đối với các tội nêu tại Điều 1 trong trường hợp người bị coi là phạm tội có mặt trên lãnh thổ của quốc gia đó và quốc gia đó không dẫn độ người nói trên cho bất kỳ quốc gia nào nêu tại khoản 1 Điều này.

3. Công ước này không loại trừ quyền tài phán nào về hình sự phù hợp với pháp luật trong nước.

Điều 13

Công ước này không áp dụng khi tội phạm được thực hiện trong phạm vi một quốc gia, con tin và người bị coi là phạm tội mang quốc tịch của quốc gia đó và người bị coi là phạm tội được phát hiện trên lãnh thổ của quốc gia đó.- Công ước quốc tế của liên hợp quốc về trừng trị việc tài trợ cho khủng bố: Hành vi tài trợ khủng bố được quy định tại Điều 300 (tội tài trợ khủng bố) chưa tương thích, phù hợp với quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Cụ thể, Điều 2 Công ước quy định hành vi tài trợ khủng bố bao gồm cung cấp hoặc huy động tiền, tài sản cho hoạt động khủng bố; Bộ luật Hình sự Việt Nam chỉ sử dụng cụm từ huy động. Đề nghị bổ sung nội hàm của hành vi tài trợ khủng bố theo công ước của Liên hợp quốc về trừng trị việc tài trợ cho khủng bố để đảm bảo sự phù hợp giữa quy định của Bộ luật Hình sự và công ước.

*** Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền năm 1948**

Điều 1: Tất cả mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền. Mọi con người đều được tạo hoá ban cho lý trí và lương tâm và cần phải đối xử với nhau trong tình bằng hữu.

Điều 2: Mọi người đều được hưởng tất cả những quyền và tự do nêu trong Bản tuyên ngôn này, không phân biệt chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hay các quan điểm khác, nguồn gốc quốc gia hay xã hội,

tài sản, thành phần xuất thân hay địa vị xã hội.

Điều 3: Mọi người đều có quyền sống, tự do và an toàn cá nhân.

Điều 5: Không ai bị tra tấn hay bị đối xử, xử phạt một cách tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ thấp nhân phẩm.

Điều 9: Không ai bị bắt, giam giữ hay đày đi nơi khác một cách độc đoán.

Điều 12: Không ai bị can thiệp một cách độc đoán đối với cuộc sống riêng tư, gia đình, nơi ở hay thư tín của cá nhân người đó cũng như không bị xâm phạm tới danh dự và uy tín. Mọi người đều được pháp luật bảo vệ chống lại những hành vi can thiệp hoặc xâm phạm như vậy.

Điều 13:

1. Mọi người đều có quyền tự do đi lại và cư trú trong phạm vi lãnh thổ của mỗi quốc gia.

2. Mọi người đều có quyền rời khỏi bất cứ nước nào, kể cả nước mình, cũng như có quyền trở về nước mình.

Điều 16:

1. Nam hay nữ đến tuổi thành niên đều có quyền kết hôn và xây dựng gia đình mà không có bất cứ một hạn chế nào về chủng tộc, quốc tịch hay tôn giáo. Họ có quyền bình đẳng trong việc kết hôn, trong cuộc sống vợ chồng và lúc ly hôn.

2. Việc kết hôn chỉ được tiến hành khi có sự đồng ý hoàn toàn và tự nguyện của cả hai bên.

Điều 17:

1. Mọi người đều có quyền sở hữu tài sản của riêng mình hay chung với những người khác.

2. Không ai bị tước đoạt tài sản của mình một cách độc đoán.

Điều 18: Mọi người đều có quyền tự do suy nghĩ, ý thức và tôn giáo, kể cả tự do thay đổi tôn giáo hay tín ngưỡng, và tự do thể hiện tôn giáo hoặc tín ngưỡng dưới hình thức truyền bá, thực hành, thờ phụng hoặc lễ tiết, với tư cách cá nhân hay tập thể, công khai hay riêng tư.

Điều 19: Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận và bày tỏ quan điểm; kể cả tự do bảo lưu ý kiến không phụ thuộc vào bất cứ sự can thiệp nào, cũng như tự do tìm kiếm, thu nhận, truyền bá thông tin và ý kiến bằng bất cứ phương tiện thông tin đại chúng nào và không giới hạn về biên giới.

Điều 20:

1. Mọi người đều có quyền tự do họp hành và tham gia hiệp hội một cách hoà bình.

2. Không ai bị bắt buộc phải tham gia một hiệp hội nào.

*** Công ước về chống tội phạm mạng năm 2025**

Chương II. Hình sự hóa

Điều 7. Truy cập trái phép

1. Mỗi Quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định hành vi, khi được thực hiện cố ý và không được phép, truy cập vào toàn bộ hoặc một phần của hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông là tội phạm theo pháp luật quốc gia của mình.

2. Một Quốc gia thành viên có thể yêu cầu tội phạm nêu trên phải được cấu thành bởi yếu tố là hành vi vi phạm các biện pháp bảo mật, với ý định thu thập dữ liệu điện tử hoặc gian lận cũng như ý định phạm tội khác hoặc có liên quan đến một hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông được kết nối với một hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông khác.

Điều 8. Chặn thu trái phép

1. Mỗi Quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định hành vi, khi được thực hiện cố ý và không được phép, chặn thu bằng phương tiện kỹ thuật việc truyền dẫn dữ liệu điện tử không công khai đến, đi hoặc trong hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông, bao gồm cả việc phát sóng điện tử từ hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông mang dữ liệu điện tử đó, là tội phạm theo pháp luật quốc gia của mình.

2. Một Quốc gia thành viên có thể yêu cầu tội phạm nêu trên phải được cấu thành bởi yếu tố là khi được thực hiện với ý định phạm tội, hoặc có liên quan đến một hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông được kết nối tới một hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông khác.

Điều 9. Can thiệp vào dữ liệu điện tử

1. Mỗi Quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác, để quy định hành vi, khi thực hiện một cách cố ý và không được phép, phá hoại, xóa, làm sai lệch, thay đổi, và nén dữ liệu điện tử, là tội phạm theo pháp luật quốc gia của mình.

2. Mỗi Quốc gia thành viên có thể yêu cầu hành vi phạm tội ở khoản 1 của Điều này gây ra hậu quả nghiêm trọng.

Điều 10. Can thiệp vào hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông

Mỗi Quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định hành vi, khi thực hiện một cách cố ý và không được phép, cản trở nghiêm trọng đến việc vận hành của hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông bằng cách nhập, truyền, phá hoại, xóa, làm sai lệch, thay đổi hoặc nén dữ liệu điện tử, là tội phạm theo pháp luật quốc gia của mình.

Điều 11. Lạm dụng các thiết bị

1. Mỗi Quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác, để quy định là tội phạm theo luật pháp quốc gia của mình đối với các hành vi dưới đây, khi thực hiện cố ý và không được phép:

(a) Thu thập, sản xuất, bán, mua để sử dụng, nhập khẩu, phân phối hoặc bất kỳ cách nào để có được:

(i) Thiết bị, bao gồm một chương trình phần mềm, được thiết kế hoặc điều chỉnh chủ yếu nhằm mục đích thực hiện bất kỳ hành vi phạm tội nào được quy định từ Điều 7 đến Điều 10 của Công ước này; hoặc

(ii) Mật khẩu, thông tin truy cập, chữ ký điện tử hoặc dữ liệu tương tự mà qua đó toàn bộ hoặc một phần của hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông có thể bị truy cập; nhằm mục đích sử dụng thiết bị, bao gồm chương trình phần mềm, hoặc mật khẩu, thông tin truy cập, chữ ký điện tử hoặc dữ liệu tương tự được sử dụng để thực hiện bất kỳ hành vi phạm tội nào được quy định từ Điều 7 đến Điều 10 của Công ước này; và

(b) Việc sở hữu thiết bị quy định tại khoản 1 (a) (i) hoặc (ii) của Điều này, với mục đích sử dụng thiết bị đó để thực hiện bất kỳ hành vi phạm tội nào được quy định từ Điều 7 đến Điều 10 của Công ước này.

2. Điều này không quy định trách nhiệm hình sự đối với hành vi thu thập, sản xuất, mua, bán để sử dụng, nhập khẩu, phân phối hoặc bằng bất kỳ cách nào để có được, hoặc sở hữu theo khoản 1 của Điều này, mà không nhằm mục đích thực hiện tội phạm theo quy định từ Điều 7 đến Điều 10 của Công ước này, như để phục vụ cuộc thử nghiệm đã được cho phép hoặc sự bảo vệ theo uỷ quyền đối với hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông.

3. Mỗi Quốc gia thành viên có thể bảo lưu quyền không áp dụng khoản 1 của Điều này, với điều kiện việc bảo lưu này không liên quan đến việc bán, phân phối hoặc bằng bất kỳ cách nào để có được các dữ liệu quy định trong khoản 1 (a) (ii) của Điều này.

Điều 12. Giả mạo liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông

1. Mỗi Quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác quy định là tội phạm theo pháp luật quốc gia của mình đối với hành vi nhập, thay đổi, xóa hoặc nén dữ liệu điện tử, khi được thực hiện một cách cố ý và không được phép, nhằm tạo ra dữ liệu không xác thực với mục đích dữ liệu này sẽ được ghi nhận hoặc xử lý như là dữ liệu xác thực trong các thủ tục pháp lý, bất kể dữ liệu này có thể đọc được và hiểu được trực tiếp hay không.

2. Một Quốc gia thành viên có thể yêu cầu hành vi phạm tội nêu trên phải nhằm mục đích lừa đảo hoặc gian lận hoặc mục đích phạm tội tương tự trước khi truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 13. Trộm cắp hoặc lừa đảo liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông

Mỗi Quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định là tội phạm theo pháp luật quốc gia của mình đối với hành vi gây thiệt hại về tài sản cho người khác, khi thực hiện một cách cố ý và không được phép, bằng cách:

- (a) Nhập, thay đổi, xóa hoặc nén dữ liệu điện tử;
- (b) Can thiệp vào hoạt động của hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông;
- (c) Lừa đảo về hoàn cảnh thực tế thông qua hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông dẫn đến việc một người thực hiện hoặc không thực hiện một việc mà lẽ ra người đó không thực hiện như vậy; với mục đích lừa đảo hoặc gian lận để thu lợi trái phép cho bản thân hoặc cho người khác bằng tiền hoặc tài sản khác.

Điều 14. Tội phạm liên quan đến tài liệu có nội dung xâm hại hoặc bóc lột tình dục trẻ em trực tuyến

1. Mỗi Quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định là tội phạm theo pháp luật quốc gia của mình đối với hành vi sau, khi thực hiện một cách cố ý và không được phép:

- (a) Sản xuất, phát tán, bán, phân phối, truyền tải, phát sóng, hiển thị, xuất bản hoặc bằng bất kỳ cách nào khác cung cấp tài liệu có nội dung xâm hại hoặc bóc lột tình dục trẻ em thông qua hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông;
- (b) Chào mời, thu mua hoặc truy cập tài liệu có nội dung xâm hại hoặc bóc lột tình dục trẻ em qua hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông;
- (c) Tàng trữ hoặc quản lý việc lưu trữ tài liệu có nội dung xâm hại hoặc bóc lột tình dục trẻ em được lưu trữ trong hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông hoặc thiết bị lưu trữ khác;
- (d) Tài trợ cho các tội phạm được quy định theo các điểm (a) đến (c) của khoản này, tuy nhiên các Quốc gia thành viên có thể quy định đây là một tội phạm riêng biệt.

1. Vì mục đích của điều này, thuật ngữ “tài liệu có nội dung xâm hại hoặc bóc lột tình dục trẻ em” bao gồm tài liệu hình ảnh, và có thể bao gồm nội dung bằng văn bản hoặc âm thanh, trong đó mô tả, miêu tả hoặc thể hiện bất kỳ người nào dưới 18 tuổi:

- (a) Thực hiện hành vi tình dục thật hoặc mô phỏng;
- (b) Chứng kiến bất kỳ người nào đang có quan hệ tình dục;
- (c) Các bộ phận sinh dục của người đó bị phô bày với mục đích chủ yếu là tình dục; hoặc
- (d) Bị tra tấn hoặc trừng phạt hoặc đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ nhục và tài liệu đó có tính chất tình dục.

2. Một Quốc gia thành viên có thể yêu cầu tài liệu được quy định trong khoản 2 của Điều này chỉ bao gồm các tài liệu mà:

- (a) Mô tả, miêu tả hoặc thể hiện một người có thật; hoặc
- (b) Mô tả bằng hình ảnh việc xâm hại hoặc bóc lột tình dục trẻ em.

3. Theo pháp luật quốc gia của mình và phù hợp với các nghĩa vụ quốc tế hiện hành có liên quan, các Quốc gia thành viên có thể thực hiện các bước để loại trừ việc hình sự hóa:

- (a) Hành vi do trẻ em tự tạo ra tài liệu mô tả chính mình; hoặc
- (b) Việc sản xuất, truyền tải hoặc sở hữu tài liệu có đồng thuận được quy định tại khoản 2 (a) đến (c) của điều này, khi các hành vi này là hợp pháp theo pháp luật quốc gia, và tài liệu đó được giữ hoàn toàn cho mục đích cá nhân và theo đồng thuận của các cá nhân liên quan.

4. Không quy định nào trong Công ước này ảnh hưởng đến bất kỳ nghĩa vụ quốc tế nào có lợi hơn cho việc thực hiện các quyền của trẻ em.

Điều 15. Hành vi dụ dỗ hoặc lôi kéo nhằm thực hiện tội phạm tình dục đối với trẻ em

1. Mỗi Quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác, để quy định là tội phạm theo pháp luật quốc gia của mình, đối với hành vi cố ý liên lạc, dụ dỗ, lôi kéo hoặc thực hiện bất kỳ thỏa thuận nào qua hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông nhằm mục đích thực hiện hành vi phạm tội tình dục đối với trẻ em, theo quy định trong pháp luật quốc gia, bao gồm cả việc thực hiện bất kỳ tội phạm nào được quy định theo Điều 14 của Công ước này.

2. Một Quốc gia thành viên có thể yêu cầu tội phạm nêu trên phải có hành động đến cùng đối với các hành vi phạm tội nêu tại khoản 1 của Điều này.

3. Một Quốc gia thành viên có thể xem xét việc mở rộng hình sự hóa theo khoản 1 của Điều này đối với các hành vi dụ dỗ và lôi kéo một người được cho là trẻ em.

4. Các Quốc gia thành viên có thể thực hiện các bước để loại trừ việc hình sự hóa hành vi như được mô tả trong khoản 1 của điều này khi hành vi đó được thực hiện bởi trẻ em.

Điều 16. Phát tán hình ảnh riêng tư mà không có sự đồng ý

1. Mỗi Quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định là tội phạm theo pháp luật quốc gia của mình, đối với hành vi, khi thực hiện một cách cố ý và không được phép, bán, phân phối, truyền tải, xuất bản hoặc bằng bất kỳ cách nào khác cung cấp hình ảnh riêng tư của một người qua hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông mà không có sự đồng ý của người được mô tả trong hình ảnh đó.

2. Vì mục đích khoản 1 của Điều này, “hình ảnh riêng tư” là một bản ghi hình của một người trên 18 tuổi được thực hiện bằng bất kỳ phương tiện nào, bao gồm ảnh chụp hoặc ghi hình, có tính chất tình dục, trong đó các bộ phận sinh dục

của người bị phô bày hoặc người đó đang quan hệ tình dục, mà vào thời điểm ghi hình, hoạt động đó là riêng tư và người hoặc những người được mô tả luôn có kỳ vọng hợp lý về quyền riêng tư vào thời điểm hành vi phạm tội diễn ra.

3. Một Quốc gia thành viên có thể mở rộng định nghĩa về hình ảnh riêng tư, nếu phù hợp, để bao gồm hình ảnh của người dưới 18 tuổi nếu họ đủ tuổi theo pháp luật quốc gia để tham gia vào quan hệ tình dục và hình ảnh đó không mô tả việc xâm hại hoặc bóc lột trẻ em.

4. Vì mục đích của Điều này, một người dưới 18 tuổi và được mô tả trong một hình ảnh riêng tư không thể đồng ý cho việc phát tán một hình ảnh riêng tư mà hình ảnh đó cấu thành tài liệu xâm hại hoặc bóc lột tình dục trẻ em theo Điều 14 của Công ước này.

5. Một Quốc gia thành viên có thể yêu cầu hành vi vi phạm nêu trên phải có mục đích gây tổn hại trước khi truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Các Quốc gia thành viên có thể áp dụng các biện pháp khác đối với các vấn đề liên quan đến Điều này, theo pháp luật quốc gia của mình và phù hợp với các nghĩa vụ quốc tế hiện hành có liên quan.

Điều 17. Rửa tiền đối với tài sản do phạm tội mà có

1. Mỗi Quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác, theo các nguyên tắc của pháp luật quốc gia của mình, để quy định là tội phạm đối với hành vi sau đây, khi thực hiện một cách cố ý:

(a) (i) Chuyển đổi hay chuyển nhượng tài sản, dù đã biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nhằm che giấu hoặc ngụy trang nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản đó hoặc nhằm giúp đỡ bất kỳ ai có liên quan đến việc thực hiện tội phạm nguồn để lần tránh trách nhiệm pháp lý đối với hành vi của người này;

(ii) Che giấu hoặc ngụy trang bản chất thực sự, nguồn gốc, địa điểm, sự chuyển nhượng, sự vận chuyển hoặc sở hữu hoặc các quyền liên quan đến tài sản, dù đã biết tài sản đó do phạm tội mà có;

(b) Theo các khái niệm cơ bản của hệ thống pháp luật quốc gia mình:

(i) Chiếm hữu, tàng trữ hoặc sử dụng tài sản mà tại thời điểm nhận đã biết rằng tài sản đó do phạm tội mà có;

(ii) Tham gia, phối hợp với hoặc lập kế hoạch thực hiện hành vi, cố gắng thực hiện hành vi hay hỗ trợ, xúi giục, tạo điều kiện và giúp sức thực hiện bất kỳ tội phạm nào quy định tại Điều này.

2. Vì mục đích thực hiện hoặc áp dụng khoản 1 của Điều này:

(a) Mỗi Quốc gia thành viên xác định tội phạm nguồn liên quan đến các tội phạm được quy định theo các Điều 7 đến 16 của Công ước này;

(b) Trong trường hợp các Quốc gia thành viên có pháp luật quy định danh sách các tội phạm nguồn cụ thể, quốc gia đó có trách nhiệm tối thiểu phải bổ sung

đầy đủ các tội phạm được quy định theo các Điều 7 đến 16 của Công ước này vào danh sách các tội phạm nguồn;

(c) Vì mục đích của điểm (b) của khoản này, các tội phạm nguồn bao gồm các tội phạm thực hiện trong và ngoài phạm vi tài phán của Quốc gia thành viên có liên quan. Tuy nhiên, các tội phạm thực hiện ngoài phạm vi tài phán của một Quốc gia thành viên chỉ cấu thành các tội phạm nguồn khi hành vi tương ứng là hành vi phạm tội theo pháp luật quốc gia của nơi hành vi đó được thực hiện và cũng là hành vi phạm tội theo pháp luật của Quốc gia thành viên đang thực hiện hoặc áp dụng điều này nếu tội phạm đó được thực hiện ở đó;

...

Điều 18. Trách nhiệm pháp lý của pháp nhân

1. Mỗi Quốc gia Thành viên áp dụng các biện pháp cần thiết để quy định trách nhiệm pháp lý của pháp nhân, phù hợp với các nguyên tắc pháp luật của mình, về việc tham gia thực hiện các tội phạm được quy định theo Công ước này.

2. Phụ thuộc vào các nguyên tắc pháp luật của Quốc gia thành viên, trách nhiệm pháp lý của pháp nhân có thể là trách nhiệm hình sự, dân sự hoặc hành chính.

3. Trách nhiệm pháp lý của pháp nhân không ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của các cá nhân đã thực hiện tội phạm.

4. Cụ thể, mỗi Quốc gia thành viên bảo đảm các pháp nhân chịu trách nhiệm theo quy định của Điều này phải chịu chế tài hình sự hoặc phi hình sự hiệu quả, tương xứng và có tác dụng ngăn ngừa, bao gồm phạt tiền.

Điều 19. Đồng phạm và phạm tội chưa đạt

1. Mỗi Quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác, để quy định là tội phạm theo pháp luật quốc gia của mình đối với hành vi, khi thực hiện một cách cố ý, tham gia thực hiện một tội phạm được quy định tại Công ước này với bất kỳ vai trò nào, như đồng phạm, giúp sức hoặc xúi giục.

2. Mỗi Quốc gia thành viên có thể áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định là tội phạm theo pháp luật quốc gia của mình đối với hành vi cố ý thực hiện tội phạm được quy định tại Công ước này nhưng chưa đạt.

3. Mỗi Quốc gia thành viên có thể áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định là tội phạm theo pháp luật quốc gia của mình đối với hành vi cố ý chuẩn bị thực hiện tội phạm theo quy định của Công ước này.

Phụ lục 4

1. Chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến chính sách

CHÍNH SÁCH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<p>Chính sách 1: Hoàn thiện, bổ sung các quy định về loại trừ trách nhiệm hình sự, quy định về tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt</p>	<p>Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Trong những các nghị quyết này Đảng ta chỉ rõ <i>cần tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn nhân lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước, phát huy dân chủ, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý mọi hành vi can thiệp trái pháp luật vào hoạt động tư pháp; đồng thời, khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế, đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, có cách tiếp cận mở, sáng tạo, cho phép thí điểm đối với những vấn đề mới thực tiễn đặt ra, có chính sách miễn trừ trách nhiệm hình sự đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan</i></p> <p>Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính</p>	<p>Các nội dung chính sách đã thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng, bảo vệ, phát triển đất nước và phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm trong tình hình mới.</p>	<p>Bổ sung quy định về việc loại trừ trách nhiệm hình sự đối với rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng mô hình sản xuất, kinh doanh mới</p>

	trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, vì lợi ích chung		
	Quy định số 183-QĐ/TW ngày 18/9/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về bảo vệ cơ quan, tổ chức, người thi hành công vụ trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án		Bổ sung quy định loại trừ trách nhiệm hình sự trong trường hợp thực hiện biện pháp nghiệp vụ phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm của các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm trong trường hợp đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục, quy trình công tác, không vì động cơ vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác.
	Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân chỉ đạo: “Sửa đổi các quy định về pháp luật hình sự, dân sự, tố tụng hình sự, tố tụng dân sự để bảo đảm nguyên tắc khi xử lý các sai phạm, vụ việc về dân sự kinh tế, ưu tiên áp dụng các biện pháp về dân sự, kinh tế, hành chính trước, cho phép các doanh nghiệp, doanh nhân được chủ động khắc phục sai phạm, thiệt hại. Trường hợp thực tiễn áp dụng pháp luật có thể dẫn đến xử lý hình sự hoặc không xử lý hình sự thì kiên quyết không áp dụng xử lý hình sự. Trường hợp đến mức xử lý hình sự thì ưu tiên các biện pháp khắc phục hậu quả kinh tế trước và là căn cứ quan trọng để xem xét các biện pháp xử lý tiếp theo. Không hồi tố các quy định pháp luật để xử lý bất lợi cho doanh nghiệp. Đối với các vụ việc thiếu chứng cứ, chứng cứ không rõ ràng phải sớm có kết luận, tránh ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường của doanh nghiệp, doanh nhân. Bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong quá trình điều tra, xét xử các vụ án.”		<p>Bổ sung quy định về tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự, cho thời gian khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm, gây thiệt hại nhưng vì mục đích phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh; không tham nhũng; mang lại hiệu quả kinh tế xã hội cho địa phương, đất nước; có thể khắc phục toàn bộ hậu quả.</p> <p>Bổ sung căn cứ được miễn trách nhiệm hình sự đối với người được hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự mà đã đủ các điều kiện để được miễn để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong quy định của Bộ luật Hình sự, khuyến khích người phạm tội khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại để được miễn trách nhiệm hình sự.</p> <p>Bổ sung quy định về miễn hình phạt đối với một số tội về trật tự quản lý kinh tế gây thiệt hại về kinh tế nhưng vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; không tham nhũng; mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cho địa phương, đất nước; đã khắc phục toàn bộ hậu quả, bồi thường toàn bộ thiệt hại.</p>

<p>Chính sách 2. Hoàn thiện các quy định mang tính nguyên tắc để làm cơ sở cho việc đấu tranh, phòng ngừa tội phạm và xây dựng các chương, điều cụ thể trong Bộ luật Hình sự</p>	<p>Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.</p>	<p>Các nội dung chính sách đã thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng, bảo vệ, phát triển đất nước và phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm trong tình hình mới.</p>	<p>Quy định theo hướng mở rộng phạm vi phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi chuẩn bị phạm tội ngoài 25/315 tội danh theo quy định của BLHS hiện hành đối với hành vi chuẩn bị phạm các tội có tính nguy hiểm cao cho xã hội</p> <p>Bổ sung khái niệm tổ chức tội phạm, góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm có tổ chức trong tình hình mới</p>
<p>Chính sách 3. Hoàn thiện quy định về hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Nhà nước, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội; tạo điều kiện để người phạm tội được tiếp tục lao động, cống hiến cho xã hội</p>	<p>Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp “<i>Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm. Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm. Khắc phục tình trạng hình sự hóa quan hệ kinh tế, quan hệ dân sự và bỏ lọt tội phạm</i>”.</p>	<p>Các nội dung chính sách đã thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng, bảo vệ, phát triển đất nước và phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm trong tình hình mới.</p>	<p>Mở rộng phạm vi áp dụng hình phạt tiền đối với một số tội danh.</p> <p>Bổ sung quy định về quyết định hình phạt là hình phạt tiền thay vì hình phạt tù đối với một số tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, nếu người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và đã khắc phục toàn bộ hậu quả, bồi thường toàn bộ thiệt hại.</p> <p>Mở rộng phạm vi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để tăng cường khả năng áp dụng hình phạt này, tiếp tục thể chế hóa chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước theo hướng tăng cường áp dụng các hình phạt không mang tính giam giữ. Đồng thời, bổ sung quy định nêu trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ người bị kết án vì phạm nghĩa vụ thì Tòa án có thể quyết định chuyển hình phạt cải tạo không giam giữ thành hình phạt tù theo tỉ lệ 3 ngày cải tạo không giam giữ thành 1 ngày phạt</p>

			<p>tù.</p> <p>Bổ sung hình phạt bổ sung “lao động công ích” để buộc người bị kết án phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng ngoài thời gian học tập và làm việc chính của người đó mà không được trả lương.</p> <p>Bổ sung giám sát điện tử là một biện pháp để thi hành án phạt cải tạo không giam giữ, người bị kết án phạt tù nhưng cho hưởng án treo, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người bị kết án phạt quản chế, cấm cư trú.</p>
	<p>Công văn số 13936-CV/VPTW ngày 25/3/2025 của Văn phòng Ban Chấp hành Trung ương về thông báo ý kiến của Bộ Chính trị về việc sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự để tiếp tục thu hẹp hình phạt tử hình và rà soát đề đề xuất sửa đổi, bổ sung những bất cập để đáp ứng yêu cầu thực tiễn; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020</p>		<p>Tiếp tục thu hẹp phạm vi 10 tội danh còn áp dụng hình phạt tử hình trong BLHS hiện hành, chỉ giữ lại hình phạt tử hình đối với các tội danh có tính chất “tội ác nghiêm trọng”, xâm phạm đến khách thể đặc biệt quan trọng, gây những hậu quả nặng nề về mặt kinh tế, xã hội và an ninh con người. Sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 60 BLHS theo hướng nếu hết thời hiệu thi hành án đối với người bị kết án tử hình thì hình phạt tử hình chuyển thành tù chung thân để giải quyết vướng mắc trong thực tiễn thi hành án tử hình, bảo đảm tính chặt chẽ, logic của Bộ luật Hình sự.</p>
<p>Chính sách 4. Hoàn thiện quy định của BLHS về các tình tiết định tội, định khung hình phạt</p>	<p>Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV xác định nhiệm vụ “Hoàn thiện đồng bộ pháp luật, cơ chế, chính sách, quy hoạch về quản lý tổng hợp, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học, duy trì cân bằng sinh thái. Tăng cường công tác giám</p>	<p>Các nội dung chính sách đã thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng, bảo vệ,</p>	<p>Quy định theo hướng giảm mức định lượng làm căn cứ định tội và định khung hình phạt tại các tội danh về môi trường nhằm cụ thể hóa chủ trương nhất quán của Đảng được nêu ra tại các văn kiện Đại hội đảng lần thứ XIII và XIV về bảo vệ môi trường.</p>

	sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý có hiệu quả vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường”.	phát triển đất nước và phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm trong tình hình mới.	
--	---	--	--

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách/dự thảo

CHÍNH SÁCH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Chính sách 2. Hoàn thiện các quy định mang tính nguyên tắc để làm cơ sở cho việc đấu tranh, phòng ngừa tội phạm và xây dựng các chương, điều cụ thể trong Bộ luật Hình sự	Luật Công nghiệp Công nghệ số quy định tài sản số là tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự được thể hiện dưới dạng dữ liệu số, được tạo lập, phát hành, lưu trữ, chuyên giao và xác thực bởi công nghệ số trên môi trường điện tử; tài sản số bao gồm tài sản ảo trên môi trường điện tử, tài sản mã hóa, tài sản số khác.	Chính sách bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật	Bổ sung quy định để bao quát đầy đủ các dạng tài sản như tiền số, tài sản số, giấy tờ có giá và quyền tài sản
Chính sách 5: Bổ sung các tội danh mới, các hành vi mới để bảo đảm tính bao quát, toàn diện của Bộ luật Hình sự	Pháp lệnh Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.	Chính sách bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật	Bổ sung hành vi phá hủy các công trình quan trọng về an ninh, trật tự tại Điều 303 bên cạnh hành vi phá hủy các công trình quan trọng về an ninh quốc gia
	Luật Phòng, chống tham nhũng quy định 12 nhóm hành vi tham nhũng trong khu vực Nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện và 03 nhóm hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài Nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện, trong khi đó Mục 1 Chương XXIII. Các tội phạm tham nhũng quy định 07 tội danh về tham nhũng. Như vậy, chưa có sự thống nhất trong quy định về các hành vi tham nhũng giữa hai luật nêu trên.		Mở rộng phạm vi chịu trách nhiệm hình sự về các tội phạm chức vụ, tham nhũng đối với khu vực kinh tế tư.

	<p>Luật Bảo hiểm xã hội quy định hành vi bị nghiêm cấm “Sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp trái pháp luật” tại khoản 5 Điều 9.</p>		<p>Bổ sung một số hành vi nguy hiểm cho xã hội trong BLHS: các hành vi “sử dụng trái phép đối với quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp”</p>
	<p>Luật An ninh mạng quy định các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng, tội phạm mạng, tội phạm sử dụng công nghệ cao (Điều 7)</p> <p>Luật Trí tuệ nhân tạo quy định “Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan đến trí tuệ nhân tạo, tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm thì bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự”.</p> <p>Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025: Khoản 1 Điều 8 quy định “Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân thì tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm có thể bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật”. Tuy nhiên, Bộ luật Hình sự chưa có quy định liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân.</p>		<p>Bổ sung các hành vi xâm phạm lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông tại mục 2 Chương XXI. Tội vi phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông: Hành vi gián điệp mạng, chiến tranh mạng, khủng bố mạng, xâm phạm, phá hủy hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia...; hành vi lạm dụng tình dục trẻ em (quay các bộ phận nhạy cảm, chat sex...); hành vi liên quan đến hoạt động kinh doanh, giao dịch tiền ảo, tiền kỹ thuật số, tài sản ảo; hành vi thu thập, sử dụng, khai thác, chuyển nhượng, xử lý dữ liệu cá nhân trái quy định của pháp luật; hành vi lập trình và sử dụng phần mềm trí tuệ nhân tạo để thực hiện tội phạm; hành vi lừa đảo qua sàn giao dịch ảo; hành vi thao túng dữ liệu mạng xã hội để trục lợi; hành vi, “phát tán deepfake”, “rửa tiền bằng tiền điện tử”; hành vi xâm phạm Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; hành vi thiết lập hệ thống để cung cấp trái phép dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng internet ...</p>
<p>Chính sách 7: Hoàn thiện các quy định nhằm khắc phục kỹ thuật lập pháp, bảo đảm tính toàn diện, thống nhất, đồng bộ</p>	<p>- <i>Bộ luật Dân sự:</i> Điều 29 BLHS quy định về người đại diện hợp pháp của bị hại, tuy nhiên, hiện nay, Bộ luật Dân sự chỉ quy định về người đại diện theo pháp luật của một cá nhân, do đó, chưa có sự thống nhất.</p>	<p>Chính sách bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p>- Sửa quy định về người đại diện hợp pháp thành người đại diện theo pháp luật tại Điều 29 để bảo đảm tính thống nhất.</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 260 cho phù hợp với quy định của Luật Giao thông đường</p>

	<p>- <i>Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024</i>: Điểm b khoản 2 Điều 260 BLHS (tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ) quy định “Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định”. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 9 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 thì hành vi bị nghiêm cấm là “điều khiển phương tiện tham gia giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn”. Như vậy, giữa hai Luật chưa có sự thống nhất trong quy định.</p> <p>- <i>Luật Nghĩa vụ quân sự</i>: Tại khoản 8 Điều 3 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 quy định một trong những hành vi trốn tránh nghĩa vụ quân sự là không chấp hành lệnh gọi khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự. Tuy nhiên, Điều 332 BLHS (tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự) lại không quy định đối với hành vi nêu trên, như vậy là chưa thống nhất.</p> <p>- <i>Luật Đất đai năm 2024</i>: Điều 229 BLHS quy định về tội vi phạm quy định của pháp luật về quản lý đất đai, theo đó, người nào lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ, quyền hạn <i>giao đất, thu hồi, cho thuê, cho phép chuyển quyền sử dụng, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất</i> trái quy định. Tuy nhiên, tại Điều 20 Luật Đất đai năm 2024, có đến 18 nội dung quản lý nhà nước về đất đai, bên cạnh các nội dung về giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất còn có các nội dung khác như giải quyết tranh chấp, khiếu nại; cung cấp dịch vụ công về đất đai; bồi thường, hỗ trợ tái định cư; quản lý tài chính về đất</p>	<p>bộ theo hướng bỏ cụm từ “vượt quá mức quy định” để đảm bảo tính thống nhất.</p> <p>- Bổ sung quy định về các hành vi trốn tránh nghĩa vụ quân sự cho phù hợp với thực tiễn và phù hợp với Luật Nghĩa vụ quân sự.</p> <p>- Bổ sung các hành vi vi phạm quản lý nhà nước về đất đai để phù hợp, thống nhất với quy định của Luật Đất đai, tránh bỏ lọt tội phạm, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai.</p>
--	--	--

	đai; quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất...		
	Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về trình tự, thủ tục tố tụng hình sự. Luật Thi hành án hình sự quy định về trình tự, thủ tục thi hành án hình sự.		Rà soát, bỏ các quy định về trình tự, thủ tục tố tụng hình sự, thi hành án hình sự trong Bộ luật Hình sự để bảo đảm không chồng lấn, trùng lặp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách/dự thảo

CHÍNH SÁCH	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Chính sách 3. Hoàn thiện quy định về hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Nhà nước, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội; tạo điều kiện để người phạm tội được tiếp tục lao động, cống hiến cho xã hội.	Công ước Liên hợp quốc về quyền dân sự và chính trị	Các chính sách tương thích với Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên	Tiếp tục thu hẹp phạm vi 10 tội danh còn áp dụng hình phạt tử hình trong BLHS hiện hành, chỉ giữ lại hình phạt tử hình đối với các tội danh có tính chất “tội ác nghiêm trọng”, xâm phạm đến khách thể đặc biệt quan trọng, gây những hậu quả nặng nề về mặt kinh tế, xã hội và an ninh con người.
	Khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền (FATF) và Nhóm châu Á- Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG) về hình phạt tiền đối với pháp nhân thương mại		
Chính sách 5: Bổ sung các tội danh mới, các hành vi mới để bảo đảm tính bao quát, toàn diện	Nghị định thư về ngăn ngừa, phòng, chống và trừng trị việc buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em bổ sung cho	Các chính sách tương thích với Điều ước quốc tế mà	Bổ sung hành vi mua bán thai nhi vào Điều 154 (Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người) để bảo đảm không bỏ lọt hành vi phạm tội; bên cạnh đó, chỉnh lý và bổ sung các hành vi mua bán người tại Điều 151 và Điều 152 của Bộ luật Hình sự theo hướng: Nâng độ tuổi

của Bộ luật Hình sự	Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	Việt Nam là thành viên	của nạn nhân bị mua bán từ 16 tuổi như quy định hiện hành lên 18 tuổi
	Khoản 2 Điều 18.78 Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) yêu cầu các quốc gia thành viên phải xử lý hình sự và áp dụng hình phạt đối với hành vi chiếm đoạt một cách cố ý và trái phép bí mật thương mại.		Hình sự hóa hành vi vi phạm bí mật thương mại tại Mục 3 Chương XVIII. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế
	Hiệp định hợp tác khu vực về chống cướp biển và cướp có vũ trang chống lại tàu thuyền tại Châu Á		Bổ sung tội cướp có vũ trang chống lại tàu thuyền trên biển tại mục 3 (các tội phạm khác xâm phạm an toàn công cộng) thuộc Chương XXI (Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng).
	Công ước quốc tế về trừng trị hành vi tài trợ khủng bố		Sửa đổi, bổ sung Điều 299 (Tội khủng bố) theo hướng bao gồm tất cả các hành vi cấu thành tội phạm trong các điều ước được liệt kê trong phụ lục của Công ước quốc tế về trừng trị hành vi tài trợ khủng bố
	Khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền (FATF) và Nhóm châu Á- Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG)		Sửa đổi, bổ sung Điều 300 (Tội tài trợ khủng bố) theo hướng quy định bao gồm hành vi cung cấp tiền, tài sản bằng bất kỳ phương thức nào, trực tiếp hoặc gián tiếp; bao gồm tài trợ cho hành vi khủng bố trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam (Tiêu chí 5.10); bao gồm cả hành vi tài trợ cho việc đi lại của các cá nhân khủng bố (Tiêu chí 5.2, mục 86 Báo cáo đánh giá đa phương APG tháng 01/2022). Bổ sung tội danh và trách nhiệm hình sự liên quan đến “Phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt” và “Tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt” để phù hợp với Khuyến nghị số 7 của APG tại mục 3 Chương XXI (Các tội

		<p>xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng.</p> <p>Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 324 (Tội rửa tiền) theo hướng mở rộng phạm vi đủ rộng bao quát mọi khả năng mà một người có thể xử lý, chuyển nhượng hoặc chuyển đổi số tiền thu được từ tội phạm rửa tiền</p>
Yêu cầu của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp (IUU)		Bổ sung một tội danh độc lập để xử lý hành vi khai thác thủy sản trái phép tại vùng biển nước ngoài.
Nghị định thư về chống người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không, bổ sung Công ước TOC		<p>Bổ sung hành vi đưa người di cư trái phép tại các điều luật về các tội về xuất nhập cảnh, cụ thể như: (1) bổ sung dấu hiệu vụ lợi đối với hành vi đưa người di cư trái phép tại Điều 348. Tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép; Điều 349. Tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép; Điều 350. Tội cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép; (2) bổ sung các tình tiết định khung tăng nặng đối với hành vi đưa người di cư trái phép để phù hợp với tinh thần của khoản 3 Điều 6 Nghị định thư; (3) sửa đổi quy định tại Điều 347 để loại trừ trách nhiệm hình sự đối với người bị đưa đi di cư trái phép khi họ thực hiện các hành vi trái với quy định của pháp luật về xuất nhập cảnh để phù hợp với Điều 5 của Nghị định thư; (4) sửa đổi quy định tại Điều 348 BLHS theo hướng quy định rõ quốc gia mà đối tượng di cư nhập cảnh trái phép là quốc gia mà người di cư không phải là công dân hoặc thường trú nhân.</p>
Công ước của Liên hợp quốc		Bổ sung các hành vi xâm phạm lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn

	về chống tội phạm mạng (Công ước Hà Nội)	thông tại mục 2 Chương XXI. Tội vi phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông: Hành vi gián điệp mạng, chiến tranh mạng, khủng bố mạng, xâm phạm, phá hủy hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia...; hành vi lạm dụng tình dục trẻ em (quay các bộ phận nhạy cảm, chat sex...); hành vi liên quan đến hoạt động kinh doanh, giao dịch tiền ảo, tiền kỹ thuật số, tài sản ảo; hành vi thu thập, sử dụng, khai thác, chuyển nhượng, xử lý dữ liệu cá nhân trái quy định của pháp luật; hành vi lập trình và sử dụng phần mềm trí tuệ nhân tạo để thực hiện tội phạm; hành vi lừa đảo qua sàn giao dịch ảo; hành vi thao túng dữ liệu mạng xã hội để trục lợi; hành vi, “phát tán deepfake”, “rửa tiền bằng tiền điện tử”; hành vi xâm phạm Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; hành vi thiết lập hệ thống để cung cấp trái phép dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng internet ...
--	--	---